

Bản án số: 231/2018/HS-PT
Ngày 05-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Võ Ngọc Thông;
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Nguyễn Văn Tiến; Ông Nguyễn Xuân Điền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Kính - Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 226/2018/TLPT-HS ngày 29 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo: **NGÔ THỊ THANH H** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của các người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HS-ST ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo bị kháng cáo:

NGÔ THỊ THANH H; sinh ngày 29 tháng 6 năm 1972 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú thôn 8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: phật giáo; con ông Ngô Văn V (chết) và bà Đỗ Thị N; có chồng là ông Hà T và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh tháng 7/2017; tiền án: không, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/5/2017.

Nhân thân: Ngày 28/11/2016, bị Cơ quan điều tra hình sự Quân khu 5 khởi tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, bị bắt để tạm giam đến ngày 07/12/2016, được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình nhận bảo lãnh. Ngày 06/10/2017, bị Tòa án Quân sự quân khu 5 xử phạt 07 năm tù giam. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư La Văn T - Văn phòng Luật sư L, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người bị hại có kháng cáo:

1. Bà Nguyễn Thị S; Nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.
2. Ông Hồ Nam T; Nơi cư trú: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.
3. Bà Nguyễn Thị MINH H1; Nơi cư trú: thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.
4. Bà Nguyễn Thị T1; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.
5. Ông Võ Công H2; Nơi cư trú: thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.
6. Bà Lê Thị Tuyết H3, Nơi cư trú: huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 57 người bị hại khác, 10 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và 16 người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

NGÔ THỊ THANH H, sinh năm 1972, trú tại thôn 8, xã H, thành phố B, là người làm nông và buôn bán tại địa phương. Từ năm 2013 đến tháng 4/2017, mặc dù không có khả năng xin việc làm, chuyển công tác, xin đi học, xin làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và mua xe thanh lý, nhưng vì muốn chiếm đoạt tài sản của người khác nên NGÔ THỊ THANH H đã đưa ra các thông tin gian dối không đúng sự thật là: H có nhiều mối quan hệ, quen biết nhiều lãnh đạo của tỉnh và của ngành Công an nên có khả năng xin đi học, xin vào làm việc trong ngành Công an, giáo dục, mua được xe tang vật vi phạm hành chính.... Bằng thủ đoạn trên, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt tổng số tiền 9.267.000.000 đồng của 63 người bị hại, cụ thể như sau:

1. Thông qua bà Nguyễn Thị S, trú tại số 19, đường P, phường T, thành phố B, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt:

1.1 Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị S trú tại số 19, đường P, phường T, thành phố B số tiền 77.000.000 đồng thông qua hình thức xin việc làm và 290.000.000 đồng thông qua góp vốn mua xe thanh lý, tổng cộng 367.000.000 đồng.

Ngày 29/10/2013, tại phòng làm việc của bà S thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, bà S đã đưa cho NGÔ THỊ THANH H 01 bộ hồ sơ xin việc và số tiền 120.000.000 đồng để xin việc làm cho chị Nguyễn Thị Thanh H4 (là con gái bà S). Ngoài ra, NGÔ THỊ THANH H nói bà S đưa thêm số tiền 2.000.000 đồng. Đến hẹn nhưng không xin được việc, NGÔ THỊ THANH H nói với bà S sẽ xin cho chị Nguyễn Thị Thanh H4 vào làm việc tại Văn thư phường L, thành phố B, và nói bà S đưa thêm 5.000.000 đồng. Bà S đồng ý đưa thêm cho NGÔ THỊ THANH H số tiền 5.000.000 đồng. Sau khi không xin được việc, Bà S đòi lại tiền thì H đã trả lại cho bà S 50.000.000 đồng. Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt của bà S số tiền 77.000.000 đồng.

-Từ tháng 01/2013 đến tháng 4/2014, H đã đưa ra các thông tin cho bà S biết có 01 lô xe ô tô, xe máy thanh lý của Công an huyện C, 01 lô xe ô tô, xe máy

thanh lý của của Cảnh sát 113, bà S tưởng thật nên đã đưa tiền cho H với mục đích góp vốn để mua xe. Cụ thể bà S đã đưa bị cáo số tiền 290.000.000 đồng.

+Ngày 27/01/2013, đưa 200.000.000 đồng tại Sở tài nguyên môi trường (nơi làm việc của bà S); Ngày 26/02/2013, đưa 20.000.000đồng; Ngày 16/3/2014, đưa 30.000.000 đồng; Ngày 01/4/2014, đưa 40.000.000 đồng để mua xe thanh lý.

Để tạo lòng tin cho bà S, sau lần nhận tiền ngày 27/01/2013, H đã đưa cho bà S số tiền 20.000.000đồng và nói là tiền lãi sau khi bán xe đã mua của Công an huyện C. Sau các đợt lấy tiền với nội dung góp vốn, H nói với bà S tiền lãi bán xe sẽ chia cho bà S là 65.000.000đồng. Ngày 06/5/2016, bà S đã viết 01 giấy mượn tiền thể hiện nội dung H đang mượn của bà Nguyễn Thị S số tiền 355.000.000đồng (trong đó có 290.000.000đồng tiền gốc và 65.000.000đồng tiền lãi), H đã ký tên tại mục “người mượn tiền”. Thực tế sau khi nhận tiền, H không liên hệ bất cứ cơ quan nào để mua xe thanh lý như thông tin đã đưa ra. Bằng thủ đoạn trên, H đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị S số tiền 290.000.000đồng.

1.2 Trường hợp của anh Nguyễn Khắc V và chị N L, trú tại thôn 10, xã Tân Hòa, huyện B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 20.000.000đồng.

Tháng 4/2013, anh Nguyễn Khắc V là chồng của chị N L đã liên hệ bà Nguyễn Thị S để nhờ chuyển công tác cho chị L. Anh V đưa bà S 60.000.000 đồng. Ngày 18/4/2013, bà S đã đưa cho H số tiền 50.000.000 đồng để nhờ xin chuyển công tác cho chị L, bà S giữ lại 10.000.000đồng. Sau khi nhận tiền, H không liên hệ tổ chức, cá nhân nào để xin chuyển công tác cho chị L như thỏa thuận, sau một thời gian H đã trả lại cho bà S 30.000.000đồng. Bà S đã trả cho lại cho anh V số tiền 40.000.000đồng.

1.3 Trường hợp của anh Nguyễn Đức H, trú tại huyện K 150.000.000 đồng.

Tháng 10/2013, anh Nguyễn Đức H liên hệ với bà S nhờ xin việc làm. Anh H đưa cho bà S 01 bộ hồ sơ xin việc và số tiền 45.000.000đồng. Ngày 31/10/2013, tại quán cà phê “S” trên đường N, thành phố B, bà S đã đưa cho H bộ hồ sơ trên và số tiền 40.000.000đồng (bà S giữ lại 5.000.000đồng). Sau khi không xin được cho anh H, bị cáo H nói với bà S chuyển sang xin cho anh H vào làm việc tại Công an huyện K với giá 300.000.000đồng. Bà S nói lại nội dung trên với anh H thì anh H đồng ý. Ngày 15/10/2014, anh H đã đưa cho bà S 105.000.000 đồng, bà S đưa lại cho H số tiền 110.000.000 đồng, (trong đó có 5.000.000đồng bà S đã giữ lại khi xin làm giáo viên) để xin việc cho anh H vào Công an huyện K. Bị cáo không liên hệ xin việc mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng nêu trên.

1.4. Trường hợp của anh Trịnh Duy T3, trú tại huyện B và bà Ngô Thị D, trú tại huyện B:

Năm 2014, ông Trịnh Duy T3 đã liên hệ và đưa cho anh Nguyễn Thái T4, trú tại thôn 9A, xã Pong Đrang, huyện B, là cán bộ thuộc Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk, số tiền 100.000.000đồng để nhờ xin cho anh Trịnh Hồng N (con ông T3) được vào ngành Công an.

Tháng 4/2014, bà Ngô Thị D đã liên hệ và đưa cho anh Nguyễn Thái T4 số tiền 100.000.000đồng để nhờ xin cho chị Phan Thị Thu H (con gái bà D) vào ngành Công an.

Anh Nguyễn Thái T4 đã liên hệ để nhờ bị cáo H xin việc làm cho Trịnh Hồng N và Phan Thị Thu H. Do mới quen biết H nên anh T4 nhờ bà S làm trung gian liên hệ. Ngày 12/5/2014, anh T4 đã đưa cho bà S số tiền 100.000.000đồng, (anh T4 giữ lại 100.000.000 đồng). Sau đó bà S và anh T4 hẹn H tại quán nước trước Sở tài nguyên môi trường và đưa cho H 100.000.000 đồng để nhờ xin việc cho cả 02 Nam và Hằng (đưa trước mỗi trường hợp là 50.000.000đồng), hẹn khi xin được việc sẽ đưa đủ số tiền còn lại. H viết giấy biên nhận thể hiện việc nhận tiền của bà S. Sau khi nhận tiền H không liên hệ xin việc như đã cam kết, sau đó H đã trả lại cho anh T4 50.000.000 đồng và nói trường hợp của Hằng không xin được, còn trường hợp của Nam thì vẫn đang xin. Tháng 10/2014, H nói với bà S và anh T4 đưa thêm 50.000.000đồng cho trường hợp xin việc của Nam, còn trường hợp của Hằng cũng có thể xin được nhưng phải đưa trước 100.000.000đồng, anh T4 đồng ý. Ngày 13/10/2014, tại Sở tài nguyên môi trường, anh T4 đã đưa cho bà S số tiền 150.000.000đồng (là toàn bộ số tiền mà anh T4 đang giữ của gia đình Nam và Hằng), có viết biên nhận. Sau đó bà S và anh T4 hẹn gặp H tại quán nước trước Sở tài nguyên môi trường và đưa cho H 150.000.000 đồng để nhờ xin việc cho Nam và Hằng (tiền xin việc cho Nam là 50.000.000đồng, tiền xin việc cho Hằng là 100.000.000đồng). H viết giấy biên nhận thể hiện việc nhận tiền của bà S. Khi không xin được việc, bị anh T4 đòi lại tiền thì H trả lại 110.000.000đồng. Anh T4 đã trả lại cho ông Trịnh Duy T3 50.000.000đồng và trả cho bà Ngô Thị D 60.000.000 đồng.

1.5 Trường hợp của ông Lê Công A, trú tại thôn 7, xã Ea Ktur, huyện Cư Kuin 100.000.000 đồng.

Tháng 6/2014, ông Lê Công A liên hệ nhờ bà S xin việc làm cho anh Lê Công Ngọc G (là con ông A). Ông A chuyển hồ sơ và số tiền 100.000.000đồng cho bà S để nhờ xin việc cho anh G. Ngày 21/10/2014, tại nhà của bà S, bà S đã đưa cho H bộ hồ sơ trên cùng số tiền 100.000.000đồng. Bị cáo H chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên.

1.6 Trường hợp của anh Phạm Thanh B, trú tại thành phố B:

Tháng 12/2014, anh Phạm Thanh B liên hệ nhờ bà S xin việc làm cho mình. Ngày 29/12/2014, anh Phạm Thanh B đã đưa số tiền 70.000.000đồng cho bà S để nhờ xin việc như đã thỏa thuận. Bà S đã đưa cho H số tiền 70.000.000đồng. H chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên. Sau đó bà S đã tự lấy tiền của mình trả cho anh Bình 70.000.000đồng.

1.7 Trường hợp của chị Vương Thị O, trú tại phường L, thành phố B:

Tháng 01/2015, chị Vương Thị O liên hệ nhờ bà S để nhờ xin việc làm cho mình. Ngày 05/01/2015, ông Vương Đình N (là bố chị O) đã chuyển khoản qua ngân hàng cho bà S số tiền 80.000.000 đồng (tiền của chị O) để nhờ xin việc như đã thỏa thuận. Bà S đã đưa cho H 01 bộ hồ sơ xin việc của chị O và số tiền 80.000.000đồng. H đã không liên hệ xin việc cho chị O và sau đó đã trả lại cho bà

S số tiền 40.000.000đồng, bà S đã trả lại cho chị O số tiền 40.000.000 đồng. NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt của chị Vương Thị O số tiền 40.000.000 đồng.

1.8 Trường hợp của chị Nguyễn Thị N, trú tại huyện K:

Tháng 8/2013, chị Nguyễn Thị N đã thông qua bà S nhờ H xin việc làm. Chị Ngọc đã đưa cho bà S 01 bộ hồ sơ cùng số tiền 60.000.000đồng. Ngày 08/8/2013, bà S đã đưa cho H bộ hồ sơ trên và số tiền 60.000.000đồng để nhờ xin việc cho chị N vào Cục thuế tỉnh Đắk Lắk. Sau khi nhận tiền H đã không thực hiện xin việc như đã cam kết. Đến tháng 9/2014, sau khi bị chị N và bà S yêu cầu trả lại tiền thì H tiếp tục hứa hẹn xin cho chị N vào biên chế Kế toán tại trường Tiểu học P, huyện C và đề nghị đưa thêm số tiền 40.000.000đồng. Chị N đã chuyển tiền cho bà S 40.000.000đồng. Trong tháng 9/2014, bà S đã đưa cho H số tiền 40.000.000đồng. Thực tế, H đã không thực hiện xin việc làm cho chị N như đã cam kết mà đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 100.000.000 đồng nói trên.

1.9 Trường hợp của ông Sỉ Tắc M, trú tại số thành phố B:

Tháng 4/2013, ông Sỉ Tắc M hệ nhờ bà S xin việc làm cho chị Sỉ Thị H (là con ông M). Ngày 08/4/2013, tại Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk, ông M đã đưa cho bà S 01 bộ hồ sơ xin việc của chị H và số tiền 30.000.000đồng. Ngày 12/4/2013, bà S đã đưa lại bộ hồ sơ và số tiền trên cho H. Ngày 24/12/2014, ông M gặp bà S và H tại quán cà phê trên đường N, thành phố B. Tại đây, ông M đã đưa cho thêm cho bà S số tiền 30.000.000đồng để xin việc cho chị H, bà S chuyển lại số tiền trên cho H.

Đến tháng 3/2015, H liên hệ với ông Võ Hữu H, trú tại số, thành phố B và ông Doãn Văn C, trú tại thành phố B, để nhờ xin việc cho chị H. Cuối năm 2015, H đưa cho ông Doãn Văn C 01 phong bì có số tiền 10.000.000 đồng, để làm chi phí đi lại xin việc cho chị H. Tuy nhiên, ông H và ông C không xin việc được cho chị H. Ngày 27/10/2017, ông C đã giao nộp số tiền trên cho Cơ quan điều tra để xử lý.

NGÔ THỊ THANH H đã không thực hiện xin việc làm cho chị Sỉ Thị H và chiếm đoạt số tiền 60.000.000 đồng nêu trên.

1.10 Trường hợp của ông Phạm Đình H, trú tại huyện A:

Tháng 3/2015, ông Phạm Đình H liên hệ nhờ bà S xin việc làm cho chị Phạm Thị Thu T (là con của ông H). Ngày 17/3/2015, ông H đã đưa cho bà S 01 bộ hồ sơ và số tiền 80.000.000đồng để nhờ xin việc cho chị T Thủy. Sau đó bà S đã đưa lại cho H bộ hồ sơ trên cùng số tiền 80.000.000đồng. Sau khi nhận tiền, H không liên hệ cơ quan, tổ chức nào để xin việc làm cho chị T mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền 80.000.000 đồng. Sau thời gian không xin được việc, bà S đã tự lấy tiền của mình trả cho ông H 35.000.000đồng.

1.11 Trường hợp của anh Nguyễn Trọng Q, trú tại tỉnh Đắk Lắk:

Anh Nguyễn Trọng Q, là em họ của bà S, đang làm cán bộ địa chính tại tỉnh Đắk Lắk. Tháng 10/2014, anh Q hỏi nhờ bà S xin chuyển công tác cho mình đến huyện B. Ngày 18/11/2014, anh Q đã chuyển quan ngân hàng A cho bà S số tiền 100.000.000đồng. Cùng ngày, bà S đã đưa lại bộ hồ sơ trên và số tiền

100.000.000đồng cho H để nhờ xin việc như đã thỏa thuận. Tuy nhiên, H không thực hiện xin việc mà đến tháng 01/2015 nói với anh Q là không xin được vào Hạt kiểm lâm huyện B mà hứa sẽ xin cho anh Q vào Địa chính huyện A và đề nghị chuyển thêm 50.000.000đồng. Anh Q tin tưởng nên đã chuyển khoản qua ngân hàng cho NGÔ THỊ THANH H 50.000.000đồng. Sau khi nhận tiền, H không liên hệ cơ quan, tổ chức nào để xin chuyển công tác cho anh Q như đã cam kết nên anh Q đã đòi lại tiền. Đến tháng 12/2015, H đã trả lại cho anh Q 50.000.00đồng. Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 100.000.000đồng.

1.12 Trường hợp của anh Đặng Minh L, trú tại tỉnh Đắk Lắk:

Tháng 7/2015, anh Đặng Minh L nhờ bà S xin việc làm cho chị Đặng Thị Minh H (là em gái của L). Ngày 19/7/2015, tại nhà bà S, anh L đã đưa cho H 01 bộ hồ sơ xin việc và số tiền 50.000.000đồng để nhờ xin việc làm cho chị H. Bà S viết giấy biên nhận đề ngày 19/7/2015 với tư cách người làm chứng thể hiện đầy đủ nội dung trên, H ký tên tại mục “người nhận tiền”, đồng thời cam kết đến tháng 9/2015 sẽ xin được việc cho chị H. Sau khi nhận tiền, H không liên hệ tổ chức, cá nhân nào để xin việc làm cho chị H. Sau đó anh L đòi lại tiền thì NGÔ THỊ THANH H trả lại 10.000.000 đồng vào ngày 26/11/2015. Sau khi bị anh L làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thì H đã trả lại cho anh L số tiền 40.000.000 đồng còn lại để khắc phục hậu quả.

1.13 Trường hợp của chị Nguyễn Thị K, trú tại huyện M:

Bà Nguyễn Thị K nhờ bà S xin việc làm cho chị Đàm Thị H (là con bà K). Ngày 15/12/2014, tại nhà bà S, bà K đã đưa cho H số tiền 15.000.000đồng để nhờ xin việc làm cho chị H như đã thỏa thuận. Do bà K hẹn sau ít ngày sẽ đưa thêm tiền cho đủ 50.000.000đồng nên khi nhận tiền, H đã viết 01 giấy biên nhận thể hiện nội dung đã nhận của bà K số tiền 50.000.000đồng. Đến cuối tháng 12/2014, chị H gấp và đưa cho H thêm 15.000.000đồng (không viết biên nhận) và 01 bộ hồ sơ xin việc. Sau khi nhận tiền, H đã không liên hệ tổ chức, cá nhân nào để xin việc làm cho chị Đàm Thị H như đã thỏa thuận mà đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 30.000.000 đồng nói trên của bà Nguyễn Thị K.

2. Thông qua ông Hồ Nam T, trú tại huyện B, tỉnh Đắk Lắk, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt cụ thể:

2.1 Chiếm đoạt của ông Hồ Nam T, trú tại huyện B tổng cộng 720.000.000đồng

Trong thời gian từ đầu năm 2015 đến tháng 4/2016, ông Hồ Nam T đã lấy tiền của mình và nhận tiền, hồ sơ từ một số người quen đưa cho NGÔ THỊ THANH H để nhờ H xin việc làm, xin chuyển công tác và xin đi học sau đó đã chiếm đoạt tiền như sau:

- Ngày 05/11/2015 ông T đưa 01 bộ hồ sơ và số tiền 40.000.000đồng cho H để xin việc làm cho chị Hồ Thị Phương L (con ông T). Sau khi nhận tiền và hồ sơ xin việc làm, H đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 40.000.000đồng của ông Hồ Nam T.

- Khoảng cuối năm 2015 ông T đi tới nhà H đưa 01 bộ hồ sơ xin việc và số tiền 35.000.000đồng cho H để xin việc làm cho chị Hồ Thị Lan A (con ông T). Sau khi nhận tiền và hồ sơ xin việc làm, H đã chiếm đoạt số tiền 35.000.000đồng của ông Hồ Nam T.

- Ngày 06/11/2015, ông T đi tới nhà H đưa 01 bộ hồ sơ xin việc và số tiền 35.000.000đồng để nhờ xin việc làm cho chị Cháu Thị Y (con dâu ông T). Sau khi nhận tiền và hồ sơ xin việc làm, H đã chiếm đoạt số tiền 35.000.000đồng của ông Hồ Nam T.

- Ngày 17/4/2016, H đi tới nhà ông T, tại đây ông T đưa 01 bộ hồ sơ cùng Quyết định nhập ngũ (bản phô tô) của Hồ Quý C (con ông T) và số tiền 20.000.000 đồng cho H để xin cho Công đi học trường Công an. Sau khi nhận tiền H đã chiếm đoạt số tiền 20.000.000đồng của ông Hồ Nam T.

- Ngày 25/4/2016, ông T đi đến nhà của H, ông T đưa 01 bộ hồ sơ và số tiền 50.000.000đồng (tiền của ông T tự bỏ ra) cho H để xin cho anh Nguyễn Văn K (cháu ông T) được đi học trường Công an. Sau khi nhận tiền, H đã chiếm đoạt số tiền 50.000.000đồng của ông Hồ Nam T.

- Cũng trong thời gian trên H đã đưa ra thông tin với ông T là có thể xin đi học tại các trường Công an nhân dân như trường trung cấp Cảnh sát giao thông hoặc trung cấp Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy không phải qua thi tuyển với giá tiền cho mỗi suất là 250.000.000đồng. Vào khoảng tháng 9/2015, ông T nói lại thông tin trên với anh Phan Quốc V, trú tỉnh Bình Dương. Do tin tưởng ông T nên anh V đã nhờ ông T xin cho 05 trường hợp trên được đi học trường Công an nhân dân. H đã đưa cho ông T 05 bộ hồ sơ tuyển sinh, ông T đưa lại cho anh V để anh V đưa lại cho những người muốn xin đi học viết lý lịch, bổ sung hồ sơ. Các trường hợp này sau đó đã chuyển hồ sơ lại cho anh V cụ thể như sau:

+ *Anh Trần Anh T, trú tại tỉnh Quảng Bình:* Tháng 9/2015, bà Nguyễn Thị Hồng K là mẹ của T đã chuyển hồ sơ cho em rể là Võ Văn T, trú tại tỉnh Bình Dương cùng số tiền 350.000.000đồng. Anh T chuyển lại hồ sơ cho anh V nhưng không đưa tiền, nhưng trong thời gian này anh T có cho anh V vay số tiền 350.000.000đồng.

+ *Anh Trần Ngọc P, trú tại tỉnh Bình Phước:* Tháng 9/2015, anh Trần Ngọc P đang là Chiến sỹ phục vụ có thời hạn tại Công an huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã chuyển hồ sơ cho một người tên T (không rõ lai lịch). T chuyển hồ sơ lại cho anh Phan Quốc V nhưng không chuyển tiền.

+ *Đặng Văn C, trú tại tỉnh Bình Dương:* Tháng 9/2015, anh Đặng B (là anh trai của C) đã đưa hồ sơ cho anh Phan Quốc V nhưng không đưa tiền.

+ *Anh Đỗ Thành Đ, trú tại tỉnh Hòa Bình:* Tháng 9/2015, ông Đỗ Quang T là bố của Đỗ Thành Đ đưa hồ sơ cho một người đàn ông (không rõ lai lịch). Sau đó, bà H (không rõ lai lịch, ở Lâm Đồng) đưa hồ sơ của Đỗ Thành Đ cho anh Phan Quốc V nhưng không đưa tiền.

+ *Anh Lương Phương N, trú tại tỉnh Lâm Đồng:* Tháng 9/2015, bà Phạm Thị L (là mẹ của Lương Phương N) đưa hồ sơ của N cho bà H (không rõ lai lịch

tại tỉnh Lâm Đồng), Sau đó bà H đã đưa hồ sơ lại cho anh Phan Quốc V nhưng không đưa tiền.

Sau khi nhận hồ sơ từ những người trên, anh V đã chuyển lại cho ông T đồng thời đưa trước số tiền 200.000.000đồng cho ông T (tiền của anh V). Ông T đã đưa tiền cho H nhiều lần với tổng số tiền là 200.000.000đồng. Đến tháng 12/2015, anh V đề nghị ông T chỉ xin đi học trường Công an nhân dân cho Trần Anh T và Trần Ngọc P. Ông T nói lại nội dung này với H thì H đồng ý. Vào ngày 20/12/2015, H đã viết 02 tờ giấy biên nhận, trên mỗi tờ đều thể hiện nội dung là đã nhận của ông T 100.000.000đồng. NGÔ THỊ THANH H hứa hẹn đến giữa năm 2016 sẽ xin được cho Trần Anh T và Trần Ngọc P đi học và ông Hồ Nam T cam kết khi có quyết định đi học sẽ giao đủ số tiền còn lại.

Sau thời gian không xin được việc và bị yêu cầu trả lại tiền, ông T đã tự lấy tiền của mình trả cho anh V 200.000.000đồng.

Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 200.000.000đồng của ông Hồ Nam T. Khi tiến hành khám xét nhà của H, Cơ quan điều tra đã thu giữ 05 bộ hồ sơ xin đi học của 05 trường hợp trên.

- Anh Nguyễn Thành T đã tốt nghiệp trường đại học Lạc Hồng. Tháng 9/2015, bà Phạm Thị Thu H (là mẹ của anh T) hỏi nhờ anh Nguyễn Đình H, trú tại thành phố B, xin việc làm cho anh T. Anh Nguyễn Đình H hỏi nhờ em ruột là anh Nguyễn Đình T5, trú tại huyện K, anh T5 hỏi ông T và ông T đã hỏi H thì được H hứa hẹn sẽ xin cho anh T vào ngành Công an làm việc tại Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Đắk Lắk với chi phí 250.000.000đồng và phải đưa trước một nửa số tiền. Sau khi nhận được thông tin trên thì bà Thu H đồng ý. Thông qua những người trung gian, H đã đưa cho bà H 01 bộ hồ sơ tuyển dụng của Bộ Công an để làm hồ sơ cho anh T. Sau đó, bà H đưa cho Anh H bộ hồ sơ trên, không đưa tiền nhưng trong thời gian này Anh H có vay của bà H số tiền 210.000.000đồng để đầu tư nông nghiệp. Anh H đưa bộ hồ sơ trên cho anh T5 (không đưa tiền), anh T5 đã đưa bộ hồ sơ trên cho ông T, không đưa tiền nhưng trong thời gian này ông T có vay của anh T5 số tiền 75.000.000đồng để đầu tư phát triển nông nghiệp. Ngày 10/11/2015, ông T đi đến nhà H và đưa bộ hồ sơ trên cùng số tiền 75.000.000đồng (tiền của ông T) cho H để nhờ xin việc cho anh T như đã thỏa thuận. Khi nhận tiền và hồ sơ, H viết giấy biên nhận dưới hình thức “Giấy vay tiền” và cam kết trong vòng 05 tháng sẽ xin được việc cho anh Thịnh như đã thỏa thuận. Tuy nhiên, H không liên hệ tổ chức, cá nhân nào để xin việc làm cho anh T như thỏa thuận. Sau thời gian không xin được việc làm, ông T đã đòi lại tiền thì được H đã trả lại 50.000.000đồng. H đã chiếm đoạt số tiền còn lại là 25.000.000đồng của ông Hồ Nam T. Khi tiến hành khám xét nhà của H, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 bộ hồ sơ ghi tên Nguyễn Thành T.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ L đã tốt nghiệp Trung cấp Y dược Hà Nam. Đầu tháng 4/2016, thông qua ông Hồ Nam T chị L đã đưa cho ông T 01 bộ hồ sơ xin việc và số tiền 50.000.000đồng (có viết giấy biên nhận). Ngày 10/4/2016, ông T hẹn gặp H tại quán cà phê ở phía sau Phòng giáo dục đào tạo huyện C và đưa bộ hồ sơ trên cùng số tiền 50.000.000đồng cho H để nhờ xin việc cho chị L. Khi

nhận tiền và hồ sơ, H viết giấy biên nhận dưới hình thức “Giấy mượn tiền” và cam kết đến ngày 16/7/2016 sẽ xin được việc làm cho chị L. Sau thời gian không xin được việc, ông T đã tự lấy tiền của mình để trả lại cho chị L số tiền 50.000.000đồng. Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 50.000.000đồng nói trên của ông Hồ Nam T. Khi tiến hành khám xét nhà của H, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 bộ hồ sơ ghi tên Nguyễn Thị Mỹ L.

- Anh Phạm Thanh T đã tốt nghiệp đại học Sư phạm Đà Nẵng. Tháng 11/2015, ông Phạm Văn Đ (là bố của anh T) đã thông qua ông Hồ Nam T để nhờ ông T liên hệ xin việc làm cho anh T vào Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk. Ông T liên hệ với H thì được H hứa hẹn sẽ lo xin cho anh T thi đậu công chức và biên chế vào làm việc tại Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk. Sau đó ông Đĩnh đã đưa 01 bộ hồ sơ dự tuyển công chức và số tiền 35.000.000đồng cho ông T (không viết giấy biên nhận). Ngày 20/11/2015, ông T đi đến nhà H đưa bộ hồ sơ trên cùng số tiền 35.000.000đồng cho H để nhờ xin việc cho anh T. Khi nhận tiền và hồ sơ, H viết giấy biên nhận dưới hình thức “Giấy vay tiền” và cam kết sau 04 tháng sẽ xin được việc cho anh T. Sau khi nhận tiền H không tiến hành xin việc cho anh T. Sau thời gian không xin được việc, ông T đã tự lấy tiền của mình để trả lại cho ông Đĩnh số tiền 35.000.000đồng. Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 35.000.000đồng của ông Hồ Nam T. Khi tiến hành khám xét nhà của H, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 bộ hồ sơ ghi tên Phạm Thanh T.

- Tháng 4/2015, ông T Hải N (là bố chồng của chị Lê Ngọc H) nhờ ông Y Phô M, trú tại huyện B, tỉnh Đắk Lắk; là cán bộ của Ban chỉ huy quân sự huyện J, Đắk Nông, và bà Hồ Thị H, trú tại tỉnh Đắk Nông, xin cho chị Lê Ngọc H đi học ngành Công an (sự việc này Cơ quan điều tra hình sự Quân khu 5 đã khởi tố điều tra đối với Y Phô M và Hồ Thị H). Tháng 12/2015, bà Hồ Thị H đưa cho ông Hồ Nam T số tiền 35.000.000đồng (tiền của bà H) để nhờ xin đi học cho chị Lê Ngọc H. Ông T hỏi H thì được H hứa hẹn xin cho chị H đi học trường Công an nhân dân, không đưa ra chi phí trước mà yêu cầu đưa trước 100.000.000đồng. Trong tháng 12/2015, Ông T đưa cho H 100.000.000đồng (trong đó có 65.000.000 đồng của ông T) để xin đi học cho chị H. Khi nhận tiền, H viết giấy biên nhận đề ngày 20/12/2015, rồi đưa cho ông T giữ. H đã đưa 01 bộ hồ sơ Tuyển sinh của Bộ Công an để gia đình chị H khai lý lịch và chuyển lại cho H. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, H không xin đi học cho chị H. Sau thời gian không xin được đi học, ông T đã lấy tiền của mình trả lại cho bà H số tiền 35.000.000đồng. Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng nói trên của ông Hồ Nam T.

- Tháng 12/2015, anh A Văn T, trú tại tỉnh Đắk Nông, nhờ ông Y Phô M và bà Hồ Thị H xin cho anh Nguyễn Công T vào làm việc tại Công an tỉnh Đắk Lắk (sự việc này Cơ quan điều tra hình sự Quân khu 5 đã khởi tố điều tra đối với Y Phô M và Hồ Thị H). Sau đó bà Hồ Thị H tự bỏ tiền của mình đưa cho ông Hồ Nam T số tiền 100.000.000 đồng để nhờ xin việc cho anh Nguyễn Công T. Trong tháng 12/2015, ông T đưa cho H 100.000.000đồng để xin việc cho anh Tuấn. H đã đưa 01 bộ hồ sơ Tuyển dụng của Bộ Công an để gia đình anh Tuấn khai lý lịch và chuyển lại cho H. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, H không liên hệ xin việc cho anh T. Sau thời gian không xin được việc và bị yêu cầu trả lại tiền, ông T đã lấy tiền

của mình để trả lại cho bà H số tiền 100.000.000đồng. Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 100.000.000đồng của ông Hồ Nam T. Khi tiến hành khám xét nhà của H, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 bộ hồ sơ ghi tên Nguyễn Công T.

- Tháng 02/2016, anh C trú tại huyện P (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) tự liên hệ nhờ bà Hồ Thị H xin việc làm. Bà H đã liên hệ ông Hồ Nam T, ông T liên hệ H thì được H hứa hẹn xin cho anh C vào làm việc tại Phòng môi trường hoặc Địa chính thuộc huyện K, chưa đưa ra chi phí xin việc mà yêu cầu đưa trước 30.000.000đồng. Trong tháng 02/2016, bà H đã đưa cho ông T số tiền 34.000.000đồng (tiền của bà H) để nhờ xin việc cho anh C. Ngày 26/02/2016, ông T đưa cho H 30.000.000đồng (ông T giữ lại 4.000.000đồng) để xin việc cho anh C. Sau khi nhận tiền, H đã viết giấy biên nhận đưa cho ông T giữ, tuy nhiên. Sau khi nhận tiền H không liên hệ xin việc cho anh C. Sau một thời gian không xin được việc ông T đã tự lấy tiền của mình để trả lại cho bà H số tiền 34.000.000đồng. Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 30.000.000đồng của ông Hồ Nam T.

2.2 Trường hợp của chị Lò Thị H, trú tại tỉnh Đắk Nông:

Chị Lò Thị H đã đưa cho ông T bộ hồ sơ và số tiền 40.000.000đồng (lúc giao nhận tiền không viết giấy tờ gì) để xin làm giáo viên. Ngày 15/11/2015, ông T đưa 01 bộ hồ sơ xin việc làm và 40.000.000đồng cho H để xin việc làm cho chị H. Khi nhận tiền và hồ sơ, H viết giấy biên nhận dưới hình thức “Giấy vay tiền”. Sau đó, H chiếm đoạt số tiền 40.000.000đồng nêu trên.

2.3 Trường hợp của chị Phan Thị Hồng L, trú tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk:

Khoảng cuối năm 2015, bà Trần Thị N đã đưa cho chị Phan Thị Hồng L 01 bộ hồ sơ xin việc cho anh Trương Quang D (con bà N) và số tiền 20.000.000đồng (không viết giấy biên nhận) để xin cho D làm giáo viên. L đi đến nhà ông T để đưa bộ hồ sơ trên cùng số tiền 20.000.000đồng cho ông T (không viết biên nhận). Ngày 18/12/2015, ông T đi đến nhà H đưa bộ hồ sơ trên cùng số tiền 20.000.000đồng cho H. Do H không liên hệ để xin việc cho anh D nên chị L đã tự lấy tiền của mình trả cho bà N 20.000.000đồng. Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng nói trên.

2.4 Trường hợp của ông Đàm Huy L, trú tại tỉnh Đắk Lắk:

Ông Đàm Huy L đã đưa cho bà Nguyễn Thị MINH H1, trú tại xã B 01 bộ hồ sơ xin việc của chị Đàm Thị T (con ông L) và số tiền 40.000.000đồng (không viết giấy biên nhận) để xin cho T làm văn thư, Bà H1 đưa cho chị Phan Thị Hồng L bộ hồ sơ trên và số tiền 40.000.000 đồng (không viết giấy biên nhận), chị L đi đến nhà ông T để đưa bộ hồ sơ trên cùng số tiền 40.000.000đồng cho ông T (không viết biên nhận). Ngày 05/01/2016, ông T đi đến nhà H đưa bộ hồ sơ trên cùng số tiền 40.000.000đồng cho H để nhờ xin việc cho chị T như đã thỏa thuận. Sau đó, H chiếm đoạt toàn bộ số tiền nói trên.

2.5 Trường hợp của bà Nguyễn Thị MINH H1, trú tại thị xã B:

Tháng 4/2016, anh Phan Quốc V, trú tại tỉnh Bình Dương, hỏi nhờ bà Nguyễn Thị MINH H1 xin cho người thân là chị Nguyễn Thị Trâm A và Lê Kiên T, được đi học trường Công an nhân dân. Ngày 13/4/2016, H hẹn gặp ông Hồ Nam T và bà H1 tại cổng trường Cao đẳng An ninh nhân dân II (tỉnh Đồng Nai). Tại đây, sau khi nhận lại hồ sơ từ anh V (không nhận tiền), bà H1 đã đưa lại cho ông T và ông T đưa 02 bộ hồ sơ cho H cùng số tiền 60.000.000 đồng (tiền của bà H1 đưa cho ông T ngày 12/4/2016 đưa 30.000.000 đồng và ngày 13/4/2016 đưa 30.000.000 đồng). Sau khi nhận được tiền, H đã chiếm đoạt số tiền 60.000.000 đồng nói trên.

2.6 Trường hợp của bà Nguyễn Thị MINH H1 và bà Nguyễn Thị M, trú tại thôn 7 xã Ea Ning, huyện Cư Kuin:

Khoảng tháng 4/2016, bà Nguyễn Thị M đã đưa cho bà Nguyễn Thị MINH H1 01 bộ hồ sơ xin chuyển công tác của chị Phan Thị L (là con bà M) và số tiền 30.000.000 đồng (không viết giấy biên nhận) để xin chuyển công tác cho chị L, bà H1 đưa cho ông Hồ Nam T bộ hồ sơ trên cùng số tiền 30.000.000 đồng (không viết biên nhận). Ngày 02/4/2016, ông T đưa bộ hồ sơ trên cùng số tiền 30.000.000 đồng cho H để nhờ xin chuyển công tác cho chị Phan Thị L. Sau khi nhận được tiền H không liên hệ tổ chức, cá nhân nào để xin chuyển công tác được cho chị Phan Thị L. Sau thời gian không chuyển được công tác như thỏa thuận, bà H1 đã tự lấy tiền của mình trả cho bà M 20.000.000 đồng. Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng nói trên.

2.7 Trường hợp của ông Nguyễn Văn S, trú tại huyện B, tỉnh Đắk Lắk:

Khoảng tháng 9/2015, ông Nguyễn Văn S đã đưa cho ông Hồ Nam T bộ hồ sơ xin việc làm của chị Nguyễn Thị H (con ông S) cùng số tiền 40.000.000 đồng (có viết biên nhận) để xin việc cho chị H. Ngày 10/11/2015, ông T đưa bộ hồ sơ trên cùng số tiền 40.000.000 đồng cho H để nhờ xin việc cho chị H. Sau khi nhận được tiền H đã chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng nói trên.

2.8 Trường hợp của chị Trịnh Thị L, trú tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk:

Khoảng tháng 9/2015, chị Trịnh Thị L đã đưa 01 bộ hồ sơ xin việc và số tiền 40.000.000 đồng cho ông Hồ Nam T (có viết giấy biên nhận) để xin làm giáo viên. Ngày 10/11/2015, ông T đưa bộ hồ sơ trên cùng số tiền 40.000.000 đồng cho H để nhờ xin việc cho chị L. Sau khi nhận được tiền H đã chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng nói trên.

3. Thông qua Nguyễn Thị MINH H1, trú tại thị xã B, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt cụ thể:

3.1. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị MINH H1, trú tại thị xã B số tiền 610.000.000 đồng.

- Chị Lâm Thị Ngọc H, trú tại thị xã B, là giáo viên trường THPT N, huyện B, (là con gái của bà H1). Anh Đỗ Xuân H, trú tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk, là giáo viên trường THCS V, huyện E (là con rể của bà H1). Bà H1 có nguyện vọng chuyển công tác cho chị H và anh H về thị xã B nên đã liên hệ NGÔ THỊ THANH H và được H hứa hẹn sẽ xin chuyển công tác được cho chị H và anh H về thị xã B, chưa thông báo trước chi phí.

- Tháng 4/2016, bà Ngô Thị Hải V là mẹ của anh Nguyễn Trung Thái A đi đến nhà bà Nguyễn Thị MINH H1 thì gặp H. Sau đó bà V và bà H1 nhờ H xin cho anh A vào làm việc tại UBND thị xã B. Nhưng H hứa hẹn sẽ xin cho anh A vào làm việc tại UBND huyện B. Bà V đã nhờ bà H1 đứng ra xin việc giúp, chưa đưa tiền, nhưng lúc này bà H1 đang vay của bà V số tiền 160.000.000 đồng.

Trong tháng 4/2016, bà H1 đã chuyển hồ sơ của 03 trường hợp trên cùng tiền cho H. Đến ngày 09/4/2016, bà H1 đã tổng hợp số tiền đã đưa cho H rồi đánh máy 01 “Giấy mượn tiền” thể hiện nội dung H đã mượn của bà H1 số tiền 300.000.000đồng. H ký tên bên mượn và viết thêm dòng chữ thể hiện tổng số tiền trên là để lo việc cho anh H, anh A và chị H đồng thời cam kết đến tháng 9/2016, sẽ xin được việc, xin chuyển công tác được cho cả 03 trường hợp trên. Sau khi nhận được tiền H không xin việc làm, xin chuyển công tác cho chị H, anh H và anh A, mà đã chiếm đoạt số tiền 300.000.000đồng của bà Nguyễn Thị MINH H1.

- Anh Lê Duy C đã tốt nghiệp Cao đẳng Tài chính Ngân hàng tại trường đại học Kiến trúc Đà Nẵng. Tháng 5/2015, ông Lê Duy B, (là bố của anh C) đã liên hệ bà Nguyễn Thị MINH H1 để nhờ xin việc làm cho anh C. Ông B đã đưa hồ sơ của anh C cùng với số tiền 160.000.000đồng cho bà H1. Bà H1 đã liên hệ và đưa cho anh Phan Ngọc P, trú tại phường L, thành phố B, số tiền 160.000.000đồng để nhờ xin việc cho anh C nhưng không được (vụ việc đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk tiếp nhận thụ lý tại tin báo khác). Sau khi nhờ P xin việc cho anh C không được bà H1 đã liên hệ với H thì được H hứa hẹn xin cho anh C vào làm tại UBND thị xã B với chi phí là 160.000.000đồng và phải đưa trước một phần số tiền trên. Ngày 08/5/2016, H đi đến nhà bà H1, tại đây, bà H1 đã đưa bộ hồ sơ xin việc làm của anh C cùng số tiền 80.000.000đồng (tiền của bà H1 tự bỏ ra) cho NGÔ THỊ THANH H để nhờ xin việc như đã thỏa thuận. Khi nhận tiền và hồ sơ, H viết giấy biên nhận dưới hình thức “Giấy mượn tiền” cam kết sau 03 tháng sẽ xin được việc cho anh C. Sau khi nhận tiền, H không xin việc làm cho anh C. Đến tháng 4/2017, bà H1 đã tự lấy tiền của mình trả lại cho Ông B 60.000.000đồng. Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 80.000.000đồng của bà Nguyễn Thị MINH H1.

- Chị Nguyễn Thị P, trú tại huyện B, đã tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm Đắk Lắk. Tháng 12/2014, bà Nguyễn Thị O (là mẹ của chị P) đã đưa hồ sơ của chị P cùng với số tiền 200.000.000đồng cho bà H1 để nhờ xin việc làm cho chị P. Sau đó bà H1 đã liên hệ và đưa cho anh Phan Ngọc Phú số tiền 150.000.000đồng (bà H1 giữ lại 50.000.000đồng) để nhờ xin việc nhưng không được, (vụ việc nay đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk tiếp nhận thụ lý tại tin báo khác). Sau khi nhờ Phú xin việc cho chị P không được, bà H1 đã liên hệ với H và đã đưa bộ hồ sơ xin việc làm của chị P cùng số tiền 50.000.000đồng cho H để nhờ xin việc. Sau khi nhận được tiền, H không liên hệ tổ chức, cá nhân nào để xin việc làm cho chị P. Sau đó bà H1 đã tự lấy tiền của mình trả lại cho bà Nguyễn Thị O 130.000.000đồng trong tổng số tiền đã nhận và 17.500.000đồng tiền lãi (số tiền 70.000.000đồng còn lại do Phan Ngọc P chiếm đoạt). Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 50.000.000đồng nói trên của bà Nguyễn Thị MINH H1.

- Tháng 8/2016, ông Nguyễn Hoàng C (là bố của anh Nguyễn Hoàng T), trú tại huyện C, nhờ bà Nguyễn Thị MINH H1 xin việc làm cho anh T. Bà H1 hỏi H thì được H hứa hẹn sẽ lo xin cho anh T vào làm giáo viên dạy thể dục cấp 2 tại huyện Cư Kuin với sau đó bà H1 đã đưa 01 bộ hồ sơ xin việc của anh T và số tiền 100.000.000đồng chia làm 02 lần mỗi lần đưa 50.000.000đồng (tiền của bà H1). Vào ngày 25/8/2016, bà H1 đã tự viết giấy có tựa đề “Giấy nhận tiền lo việc” thể hiện nội dung H nhận của H1 50.000.000đồng để lo việc cho anh T, H ký tên tại mục “người nhận tiền”, đồng thời cam kết đến tháng 9/2016 sẽ xin được việc cho anh Nguyễn Hoàng T. Sau khi nhận được tiền H không liên hệ xin việc làm cho anh T mà đã chiếm đoạt số tiền 100.000.000đồng của bà Nguyễn Thị MINH H1.

3.2 Trường hợp của bà Lê Thị Tuyết H3, trú tại huyện E:

Khoảng tháng 7/2016, ông Đoàn Xuân L đã đưa 01 bộ hồ sơ và số tiền 80.000.000đồng cho bà Lê Thị Tuyết H3 để xin việc cho con là Đoàn Thị T, bà Lê Thị Tuyết H3 đưa bộ hồ sơ trên cùng số tiền 80.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị MINH H1. Ngày 06/9/2016, bà H1 đã đưa bộ hồ sơ trên cùng số tiền 80.000.000đồng cho H để nhờ xin việc cho chị T. Sau khi nhận được tiền, H không tiến hành xin việc làm cho chị T. Lúc này, bà Lê Thị Tuyết H3 đã tự lấy tiền của mình để trả lại cho ông Đoàn Xuân L số tiền 80.000.000đồng. Như vậy, H đã chiếm đoạt số tiền 80.000.000đồng nói trên.

4. Thông qua ông Hồ Nam T và bà Nguyễn Thị MINH H1, bị cáo NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt cụ thể:

4.1 Trường hợp của bà Chu Thị D, trú tại, trú tại tổ dân phố 7, thị xã B:

Khoảng tháng 11/2015, bà Chu Thị D đã đưa 01 bộ hồ sơ xin việc của chị Phạm Thị C (con bà D) và số tiền 100.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị MINH H1 (không viết giấy biên nhận) để xin việc cho chị C. Bà H1 chuyển hồ sơ và số tiền 100.000.000đồng cho chị Phan Thị Hồng L, chị L chuyển hồ sơ và số tiền 40.000.000đồng cho ông Hồ Nam T, (L giữ lại số tiền 60.000.000đồng). Ngày 05/01/2016, ông T đưa bộ hồ sơ trên cùng số tiền 40.000.000đồng cho H để nhờ xin việc cho chị C. Tuy nhiên, H không liên hệ tổ chức, cá nhân nào để xin việc làm cho chị C như thỏa thuận mà đã chiếm đoạt số tiền 40.000.000đồng nói trên. Sau một thời gian chị L đã trả lại số tiền 60.000.000 đồng cho bà H1.

Sau thời gian không xin được việc làm cho chị C, bà H1 đã liên hệ trực tiếp H và được H hứa hẹn xin vào Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Đắk Lắk với chi phí là 350.000.000đồng. Sau đó, bà D đã chuyển bộ hồ sơ hoàn chỉnh cùng số tiền 250.000.000đồng cho bà H1. Bà H1 lấy thêm 30.000.000 đồng (trong số tiền 60.000.000đồng chị L trả lại) rồi chuyển cho H số tiền 280.000.000đồng cùng bộ hồ sơ trên của chị C. Sau khi nhận được tiền, H không liên hệ xin việc làm cho chị C đã chiếm đoạt số tiền 280.000.000đồng nói trên. Ngày 20/7/2017, bà Nguyễn Thị MINH H1 đã trả lại cho bà Chu Thị D số tiền 30.000.000 đồng.

Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt tổng số tiền 320.000.000 đồng.

4.2 Trường hợp của anh Nguyễn Công Q, trú tại thôn tỉnh Hà T và của chị Phan Thị Hồng L:

Khoảng tháng 7/2015, anh Nguyễn Công Q đã làm 01 bộ hồ sơ và chuyển cho anh Phan Quốc V cùng với số tiền 100.000.000đồng để xin việc. Anh V chuyển hồ sơ cùng số tiền 10.000.000đồng cho chị Phan Thị Hồng L (anh V giữ tại số tiền 90.000.000đồng). Chị L chuyển hồ sơ cùng số tiền 20.000.000đồng (chị L tự bỏ thêm 10.000.000đồng) cho ông Hồ Nam T. Ngày 18/12/2015, ông T đưa cho H bộ hồ sơ của anh Q và số tiền 20.000.000đồng. Tuy nhiên, H không thực hiện xin việc mà đã chiếm đoạt số tiền 20.000.000đồng nói trên. Sau thời gian không xin được việc thì chị L đã trả lại cho anh Phan Quốc V 10.000.000 đồng.

Đến tháng 5/2016, anh Q đã đưa 01 bộ hồ sơ xin việc của anh Q cho bà H1 và số tiền 130.000.000đồng (đưa làm 02 lần). Bà H1 đã đưa toàn bộ số tiền trên cho H. Tháng 6/2016, anh V chuyển cho bà H1 số tiền 30.000.000 đồng. Bà H1 tiếp tục đưa số tiền trên cho H. Tuy nhiên, H không thực hiện xin việc như đã hứa mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền 160.000.000 đồng nói trên.

Anh Nguyễn Công Q thống nhất cho anh Phan Quốc V vay số tiền 70.000.000 đồng. Do đó, ngày 01/3/2017, anh Phan Quốc V đã viết 01 giấy vay tiền đưa cho anh Q giữ.

Như vậy, H đã chiếm đoạt tổng số tiền 180.000.000đồng.

4.3 Trường hợp của ông Nguyễn Văn T, trú tại thành phố B:

Cuối năm 2015, ông Nguyễn Văn T đưa cho chị Phan Thị Hồng L 01 bộ hồ sơ xin việc và số tiền 10.000.000 đồng để xin việc cho con gái là chị Nguyễn Thị T, chị L đi tới nhà ông Hồ Nam T đưa hồ sơ và 10.000.000đồng (lúc giao nhận tiền không viết giấy tờ gì). Ngày 18/12/2015, ông T đưa 01 bộ hồ sơ xin việc làm và 10.000.000 đồng cho H để xin việc cho chị T như đã thỏa thuận. Sau khi nhận tiền và hồ sơ xin việc làm, H không liên hệ tổ chức, cá nhân nào để xin việc làm cho chị T như thỏa thuận mà đã chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng nói trên.

Sau khi nhờ chị L xin việc nhưng không có kết quả, tháng 8/2016, ông T liên hệ bà Nguyễn Thị MINH H1 để xin việc làm cho chị T. Ngày 20/8/2016, ông T đi đến Hoa viên thành phố B, gặp và đưa cho H số tiền 30.000.000 đồng. Khoảng 01 tuần sau, ông T đưa cho bà H1 số tiền 50.000.000đồng (không viết biên nhận) để nhờ chuyển cho H. Bà H1 đã đưa số tiền 50.000.000đồng cho H. Tuy nhiên, H không liên hệ tổ chức, cá nhân nào để xin việc làm cho chị T như thỏa thuận mà đã chiếm đoạt số tiền 80.000.000đồng nói trên.

Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt tổng số tiền 90.000.000 đồng.

5. Thông qua bà Nguyễn Thị T1, trú tại huyện C, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt cụ thể:

5.1 Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T1, trú tại huyện C, tổng số tiền 600.000.000đồng.

Từ tháng 10/2012 đến tháng 4/2016, bà T1 đã nhận xin việc, xin đi học cho 09 trường hợp. Bà T1 đã tự bỏ tiền của mình để đưa lại cho H nhiều lần với tổng số tiền là 600.000.000đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận được H không liên hệ cơ

quan, tổ chức nào để xin việc làm cho những trường hợp nêu trên mà đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 600.000.000đồng. Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng nói trên của bà Nguyễn Thị T1.

5.2 Trường hợp của ông Nguyễn Văn C, trú tại tỉnh Đắk Lắk và của bà Nguyễn Thị T1:

Tháng 10/2015, ông Nguyễn Văn C đưa cho bà Nguyễn Thị T1 01 bộ hồ sơ và số tiền 50.000.000đồng để nhờ xin việc cho chị Nguyễn Thị Mỹ N (con ông C). Ngày 14/12/2015, bà T1 đưa cho H bộ hồ sơ trên cùng số tiền 60.000.000 đồng (bà T1 tự bỏ thêm tiền của mình 10.000.000 đồng). Tuy nhiên, H đã không liên hệ cơ quan, tổ chức nào để xin việc làm cho chị N như đã cam kết mà đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 60.000.000đồng nói trên.

6. Chiếm đoạt của bà Lê Thị Tuyết H3, trú tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk tổng số tiền 180.000.000đồng.

- Tháng 7/2016, chị Nguyễn Thị H đã đưa cho bà Lê Thị Tuyết H3 01 bộ hồ sơ xin việc làm. Ngày 12/8/2016, bà H3 đã đưa cho H bộ hồ sơ trên cùng số tiền 60.000.000đồng (là tiền của bà H3) để nhờ xin việc làm cho chị H. Sau khi nhận tiền H đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng nêu trên của bà Lê Thị Tuyết H3.

- Tháng 8/2016, bà Lương Thị T đã đưa cho bà Lê Thị Tuyết H3 01 bộ hồ sơ xin việc làm của chị Hứa Thị Thu T (con của bà T) và số tiền 80.000.000đồng để xin việc cho T. Ngày 22/9/2016, bà H3 đã đưa cho H bộ hồ sơ trên cùng số tiền 80.000.000đồng để nhờ xin việc làm cho chị T. Sau khi nhận tiền và hồ sơ xin việc làm, H không liên hệ tổ chức, cá nhân nào để xin việc làm cho của chị T như thỏa thuận. Sau thời gian không xin được việc, bà H3 đã tự lấy tiền của mình trả cho bà T số tiền 80.000.000đồng. Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 80.000.000 đồng.

- Sau khi bà H3 nhờ H xin việc làm cho Nguyễn Thị H và Hứa Thị Thu T nhưng không được. Bà H3 đã nhiều lần đòi lại tiền nhưng H không trả. Ngày 13/01/2016, H nói với bà H3 và bà Nguyễn Thị MINH H1 là: Hiện tại H có 01 xe ô tô biển kiểm soát 47A-062.91 đang bị Công an tỉnh Đắk Lắk (đồng chí T Công an kinh tế) tạm giữ, cần có tiền để chuộc xe ra và bán lấy tiền trả nợ. Đồng thời H đưa cho bà H3 xem 01 Giấy đăng ký xe ô tô có biển kiểm soát 47A-062.91. Đây là giấy tờ giả do H đặt làm tại thành phố Hồ Chí Minh. Bà H3 tưởng là thật nên đưa cho H số tiền 40.000.000đồng và giữ lại Giấy đăng ký xe nói trên và 01 Giấy Chứng minh nhân dân của H. Sau đó H đã chiếm đoạt số tiền 40.000.000đồng trên của bà Lê Thị Tuyết H3.

7. Thông qua ông Võ Công H2, trú tại thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt tiền của các cá nhân sau:

7.1 Chiếm đoạt của ông Võ Công H2 số tiền 630.000.000đồng

- Trong tháng 7/2015, ông Hoàng Xuân K (trú tại huyện B) đã đưa cho ông H2 01 bộ hồ sơ của chị Nguyễn Thị Thu H và số tiền 50.000.000đồng (tiền của ông K) để xin việc cho chị H. Ngày 11/7/2015, ông H2 đưa cho H bộ hồ sơ xin

việc của chị H và số tiền 50.000.000đồng. Tuy nhiên, H đã không liên cơ quan, tổ chức nào để xin việc làm cho chị H. Ông K đã yêu cầu ông H2 trả lại tiền thì được ông H2 trả lại số tiền 50.000.000 đồng. NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt của ông Võ Công H2 số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 12/5/2015, ông Văn Đình P (trú tại phường Tân Thành, Tp. B) đã đưa 01 bộ hồ sơ xin việc của chị Văn Thị Huyền T (con ông P) và số tiền 65.000.000đồng cho ông H2 để xin việc cho chị T. Cùng ngày, ông H2 đưa cho H bộ hồ sơ của chị T và số tiền 65.000.000đồng. Tuy nhiên, H không liên hệ cơ quan, tổ chức nào để xin việc làm. Sau thời gian không xin được việc và bị yêu cầu trả lại tiền thì ông H2 đã trả cho ông P số tiền 65.000.000đồng. NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt của ông Võ Công H2 số tiền 65.000.000đồng.

- Khoảng tháng 7/2015, ông Đặng Phước T, trú tại huyện EK, là bố của anh Đặng Văn H hỏi nhờ ông Võ Công H2 xin cho H được đi học trường Công an nhân dân, ông H2 hỏi bị cáo H thì H hứa xin cho anh H. Tháng 8/2015, ông T đã đưa cho ông H2 01 bộ hồ sơ của anh H và số tiền 100.000.000đồng. Ngày 31/8/2015, ông H2 đưa cho H bộ hồ sơ của anh H và số tiền 100.000.000đồng, có giấy biên nhận, H hẹn đến ngày 15/11/2015 sẽ xin được cho anh H đi học. Nhưng H không liên hệ cơ quan, tổ chức nào để xin đi học cho anh H. Sau thời gian không xin được việc và bị yêu cầu trả lại tiền thì H trả lại cho ông H2 50.000.000 đồng. Ông Võ Công H2 tự lấy thêm tiền của mình và trả cho ông Đặng Phước T số tiền 100.000.000đồng. NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt của ông Võ Công H2 số tiền 50.000.000đồng.

- Chị Trịnh Thị T, trú tại huyện B, đã tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng chuyên ngành Kế toán. Tháng 5/2015, ông Trịnh Xuân V (là bố của chị T) nhờ ông Võ Công H2 xin cho chị T được vào ngành Công an nhân dân, ông H2 hỏi H thì được H hứa hẹn xin cho chị T vào làm Kế toán tại Công an huyện B, chưa nói chi phí xin việc. H đã đưa cho ông H2 01 bộ hồ sơ tuyển sinh của Bộ Công an, ông H2 đưa lại bộ hồ sơ cho ông V để hoàn thiện và chuyển lại cho ông H2. Cũng trong tháng 5/2015, ông H2 có vay của ông V số tiền 150.000.000đồng, ông H2 nói với ông V sẽ sử dụng số tiền này để xin việc cho chị T thì ông V đồng ý. Ngày 07/5/2015, ông H2 đã đưa cho H bộ hồ sơ của chị T và số tiền 120.000.000đồng. Khi nhận tiền, H tự viết 01 giấy biên nhận dưới hình thức "giấy mượn tiền", hẹn đến 07/8/2015 trả. H hứa hẹn sau 03 tháng sẽ xin được việc cho chị T, nhưng thực tế H đã không thực hiện xin việc như cam kết. Khi tiến hành khám xét nhà của H, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 bộ hồ sơ ghi tên Trịnh Thị T. Sau thời gian không xin được việc và bị yêu cầu trả lại tiền, H đã trả lại cho ông H2 50.000.000đồng. Ông Võ Công H2 đã trả cho ông Trịnh Xuân V số tiền 100.000.000đồng. Ông H2 còn nợ ông V 50.000.000đồng, ông Trịnh Xuân V đã khởi kiện dân sự đối với ông Võ Công H2 đến Tòa án nhân dân thị xã B về hành vi vay tiền nhưng không trả. Tòa án nhân dân thị xã B đã có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 45/2017/QĐST-DS ngày 03/7/2017 về việc thỏa thuận trả nợ giữa ông Võ Công H2 và ông Trịnh Xuân V. Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 70.000.000 đồng của ông Võ Công H2.

- Chị Nguyễn Thị H L, trú tại thị xã B, đã tốt nghiệp trường Đại học Y được thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 9/2015, bà Nguyễn Thị K C (là mẹ của chị L) hỏi nhờ ông Võ Công H2 xin việc cho chị L, ông H2 hỏi lại H thì được H hứa hẹn xin cho chị L vào làm việc tại Bệnh viện thị xã B. Ngày 24/9/2015, bà C đi đến nhà ông H2 và đưa cho ông H2 01 bộ hồ sơ xin việc của chị L và số tiền 55.000.000đồng. Chiều ngày 24/9/2015, tại nhà ông H2, ông H2 đã đưa cho H bộ hồ sơ của chị L và số tiền 55.000.000đồng nhưng trên thực tế H không liên hệ cơ quan, tổ chức nào để xin việc như đã cam kết. Sau thời gian không xin được việc và bị bà Nguyễn Thị K C yêu cầu trả lại tiền. Ông Võ Công H2 yêu cầu H trả lại tiền xin việc cho L thì được H trả lại 30.000.000đồng. Ông Võ Công H2 tự lấy thêm tiền của mình để trả đủ cho bà C số tiền 55.000.000đồng. Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 25.000.000 đồng của ông Võ Công H2 trong số tiền xin việc cho chị Nguyễn Thị H L.

- Anh Hà Mạnh L, trú tại huyện C, là Chiến sỹ phục vụ có thời hạn tại Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động, tỉnh Đắk Lắk, ra quân năm 2012. Tháng 6/2015, ông Hà Văn L là bố của anh L liên hệ nhờ bà Nguyễn Thị T1 xin việc làm. Trước khi bà Nguyễn Thị T1 trực tiếp liên hệ H để nhờ xin việc vào tháng 12/2015 như đã trình bày ở trên (6.3) thì vào tháng 6/2015, bà T1 hỏi nhờ ông H2 xin cho anh L vào ngành Công an, ông H2 hỏi H thì được H hứa hẹn xin cho L vào làm tại Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đắk Lắk với chi phí là 250.000.000đồng và phải đưa trước 150.000.000đồng. Ông H2 nói lại với bà T1 giá xin việc cho anh L là 300.000.000đồng thì bà T1 đồng ý. Sau đó H đưa cho ông H2 01 bộ hồ sơ tuyển dụng của Bộ Công an, ông H2 đưa cho bà T1 để gia đình của L khai lý lịch và hoàn thiện hồ sơ. Trong tháng 6/2015, bà T1 đi đến nhà ông H2 đưa cho ông H2 bộ hồ sơ của anh L và số tiền 150.000.000đồng (tiền của bà T1), ông H2 viết giấy biên nhận đưa cho bà T1. Chiều ngày 27/6/2015, ông H2 đi đến thành phố B hẹn gặp H tại một quán cà phê ở đối diện nhà máy bia Sài Gòn và đưa cho H bộ hồ sơ của anh Hà Mạnh L cùng số tiền 150.000.000đồng. H tự viết 01 giấy biên nhận và đưa cho ông H2 giữ và hẹn sau 03 tháng sẽ xin được việc cho L. Khi đến hẹn không thấy L có việc làm như H đã hứa hẹn nên bà T1 yêu cầu ông H2 trả lại tiền, ông H2 đã gặp H để yêu cầu trả lại tiền xin việc cho L. Khoảng cuối năm 2015, H đã trả lại cho ông H2 50.000.000đồng trong số tiền trên. Ông Võ Công H2 tự bỏ thêm tiền của mình để trả đủ cho bà T1 số tiền 150.000.000 đồng. Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt của ông Võ Công H2 số tiền 100.000.000đồng.

- Anh Nguyễn Văn V, trú tại huyện C, đã tốt nghiệp đại học khoa Sư phạm Toán, tháng 8/2015, ông Nguyễn T (là bố của anh V) hỏi nhờ bà Nguyễn Thị T1 xin việc làm cho anh V. Bà T1 liên hệ hỏi ông H2, ông H2 hỏi lại H thì được H hứa hẹn xin cho anh V vào làm giáo viên cấp 2 trường N tại huyện C với chi phí là 120.000.000 đồng và phải đưa trước 60.000.000đồng. Sau đó ông H2 nói lại với bà T1 chi phí xin việc là 160.000.000đồng. Bà T1 nói lại với ông T chi phí xin việc là 170.000.000đồng và phải đưa trước 60.000.000đồng. Trong tháng 8/2015, ông T đã đưa cho bà T1 01 bộ hồ sơ của anh V và số tiền 60.000.000đồng, bà T1 đã đưa lại bộ hồ sơ và số tiền trên cho ông H2. Vào ngày

10/8/2015, tại nhà của ông H2, ông H2 đã đưa cho H bộ hồ sơ của anh V và số tiền 60.000.000đồng. H tự viết 01 giấy biên nhận và đưa cho ông H2 giữ. NGÔ THỊ THANH H hứa hẹn sau 01 tháng sẽ xin được việc cho anh V nhưng thực tế H đã không liên hệ cơ quan, tổ chức nào để xin việc. Sau thời gian không xin được việc và bị yêu cầu trả lại tiền thì H trả lại cho ông H2 số tiền 40.000.000đồng. ông H2 đã tự lấy thêm tiền của mình (20.000.000 đồng) trả cho bà T1 60.000.000 đồng. Bà T1 trả lại cho ông T 60.000.000 đồng. Như vậy, H đã chiếm đoạt của ông Võ Công H2 số tiền 20.000.000đồng.

- Anh Phạm Trung H, trú tại tỉnh Sơn La, mới tốt nghiệp Trung học phổ thông. Tháng 8/2016, bà Nguyễn Thị L (là mẹ của anh H) hỏi nhờ ông Võ Công H2 xin cho anh H được đi học trường Công an nhân dân. Ông H2 hỏi H thì được H hứa hẹn xin cho anh H vào học trường Trung cấp Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại Hà Nội với chi phí là 400.000.000đồng và phải đưa trước một nửa tiền. Ông H2 nói lại nội dung trên với bà L thì bà L đồng ý rồi chuyển khoản qua ngân hàng cho ông H2 số tiền 50.000.000đồng. Lúc này, ông H2 gặp H và thống nhất H trả lại cho ông H2 50.000.000 đồng (để trả lại tiền xin việc cho trường hợp khác trước đây do không xin được việc và bị yêu cầu trả lại tiền), do đó ông H2 không chuyển tiền cho H nhưng hai bên thống nhất là H đã nhận 50.000.000đồng tiền xin đi học cho anh H. Sau đó, H tự liên hệ với trường Trung cấp Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại Hà Nội để xin 01 bộ hồ sơ tuyển sinh hệ ngoài ngành Công an và chuyển cho bà L (thông qua ông H2). Sau khi hoàn thiện hồ sơ, bà L chuyển hồ sơ qua Bưu điện cho ông H2, đồng thời gửi qua ngân hàng cho ông H2 số tiền 200.000.000đồng. Lúc này, ông H2 và H thống nhất là H nhận thêm 200.000.000đồng, tuy nhiên, H trả cho ông H2 số tiền 160.000.000đồng để trả lại tiền xin việc cho trường hợp khác. Do đó, ông H2 đã chuyển qua ngân hàng cho H 40.000.000đồng. Sau khi H nộp hồ sơ của anh H vào trường Trung cấp Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại Hà Nội, ông H2 đã lấy mẫu giấy nhận tiền viết thêm các thông tin để thể hiện nội dung H đã nhận của ông H2 số tiền 250.000.000 đồng. H ký nhận tại mục “người nhận tiền vay”. Sau khi có giấy thông báo nhập học hệ ngoài ngành Công an của anh Phạm Trung H, H đã chụp hình và gửi qua mạng xã hội Zalo cho ông H2. Ông H2 gửi hình cho bà L thì bà L phát hiện là anh H chỉ được học hệ ngoài ngành Công an nên không đồng ý đưa thêm tiền và yêu cầu ông H2 trả lại tiền. Sau đó bà Nguyễn Thị Liên đã khởi kiện vụ án dân sự đối với ông Võ Công H2 đến Tòa án nhân dân thị xã B về hành vi vay tiền nhưng không trả. Tòa án nhân dân thị xã B đã có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 52/2017/QĐST-DS ngày 05/9/2017 về việc thỏa thuận trả nợ giữa ông Võ Công H2 và bà Nguyễn Thị L.

Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 250.000.000 đồng nêu trên của ông Võ Công H2.

7.2 Trường hợp của Trần Thị Mỹ V1, trú tại huyện EK:

Ngày 22/9/2015, bà Trần Thị Mỹ V1 đã đưa cho bà Nguyễn Thị Ái V số tiền 180.000.000đồng và bộ hồ sơ của anh Lê Văn B (con bà V1) để xin cho B đi học trường Công an. Sau đó, bà V đưa lại bộ hồ sơ cùng số tiền 150.000.000đồng (bà V giữ lại 30.000.000đồng) cho ông Võ Công H2. Cuối tháng 9/2015, ông H2 đã

đưa cho H bộ hồ sơ của B và số tiền 150.000.000 đồng (có viết biên nhận). Đến tháng 4/2016, H làm giả 01 bản phô tô "Giấy chứng nhận kết quả tuyển sinh trung cấp năm học 2016 BTS:63" thể hiện nội dung Trường Trung cấp Phòng cháy chữa cháy cơ sở III Đồng Nai tuyển sinh đối với anh Lê Văn B. H đưa giấy này cho ông H2 để yêu cầu gia đình anh B đưa thêm tiền. Sau khi nhận được giấy trên, bà V1 đã đưa cho bà V số tiền 170.000.000đồng. Bà V chuyển cho ông H2 số tiền 150.000.000 đồng (bà V giữ lại 20.000.000đồng). Ngày 27/4/2016, tại nhà ông H2, ông H2 đã đưa cho H số tiền 150.000.000đồng. Sau khi nhận tiền và hồ sơ của anh B, H không liên hệ cơ quan, tổ chức nào để xin đi học như đã cam kết mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền 300.000.000đồng nêu trên.

Sau thời gian không xin được việc và bị yêu cầu trả lại tiền thì ông H2 đã tự lấy tiền của mình trả cho bà V số tiền 70.000.000đồng. Bà V đã trả cho bà V1 số tiền 183.000.000 đồng.

7.3 Trường hợp của ông Võ Thành L, trú tại xã Pong Drang, huyện B:

Tháng 7/2015, ông Võ Thành L đã đưa cho ông Võ Công H2 01 bộ hồ sơ xin việc của chị Võ Thị Hoàng V (con ông L) và số tiền 50.000.000đồng để xin việc cho chị V, hai bên không viết giấy biên nhận. Vào ngày 07/7/2015, tại nhà của ông H2, ông H2 đã đưa cho H bộ hồ sơ của chị V và số tiền 50.000.000đồng. H tự viết 01 giấy biên nhận và đưa cho ông H2 giữ. H hẹn sau 02 tháng sẽ xin được việc cho chị V nhưng thực tế NGÔ THỊ THANH H không thực hiện liên hệ xin việc. Sau thời gian không xin được việc và bị yêu cầu trả lại tiền thì ông H2 đã tự trả lại cho ông L 30.000.000đồng. NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng nói trên.

7.4 Trường hợp của ông Trương Công T, trú huyện EK:

Ngày 03/9/2015, ông Trương Công T đưa hồ sơ của chị Trương Thị Lan P (con ông T) và số tiền 100.000.000đồng cho ông Võ Công H2 để xin đi học cho P. Cùng ngày, ông H2 đưa bộ hồ sơ của chị P và số tiền 100.000.000đồng cho H. Đến tháng 4/2016, H làm 01 văn bản phô tô giả danh sách cử tuyển của Công an tỉnh Đắk Lắk trong đó có tên Trương Thị Lan P đưa cho ông H2 nhằm mục đích yêu cầu đưa thêm tiền. Ông H2 đưa lại giấy này cho ông T và nhận từ ông T số tiền 70.000.000đồng. Ông H2 đã đưa cho H số tiền 50.000.000 đồng (ông H2 giữ lại 20.000.000đồng). Sau đó, H đã liên hệ trường Đại học Phòng cháy chữa cháy tại tỉnh Đồng Nai để nộp hồ sơ xin cho chị P vào học hệ dân sự. Khi có giấy báo nhập học thì H đưa cho ông H2 để yêu cầu gia đình chị P đưa thêm tiền. Tuy nhiên, khi biết chị P chỉ được đi học hệ dân sự thì ông Trương Công T không đồng ý đưa thêm tiền, đồng thời yêu cầu ông Võ Công H2 trả lại tiền do không thực hiện đúng cam kết ban đầu. Ông Võ Công H2 yêu cầu NGÔ THỊ THANH H trả lại tiền nhưng H không trả.

Đến tháng 02/2017, ông Võ Công H2 đã trả lại cho ông Trương Công T số tiền 120.000.000 đồng. NGÔ THỊ THANH H đã không thực hiện xin cho chị Trương Thị Lan P đi học như đã cam kết mà chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng nêu.

7.5 Trường hợp của chị Hoàng Thị N, trú tại huyện K:

Vào tháng 9/2015, chị Hoàng Thị N đã đưa cho bà Nguyễn Thị Ái V bộ hồ sơ xin chuyển công tác và số tiền 60.000.000đồng, bà V đưa lại bộ hồ sơ trên cùng số tiền 50.000.000đồng cho ông Võ Công H2 (bà V giữ lại 10.000.000đồng). Sau đó, tại nhà ông H2, ông H2 đã đưa cho H bộ hồ sơ xin chuyển công tác của chị N và số tiền 50.000.000đồng. Lúc này, hai bên không viết biên nhận mà đến ngày 12/12/2015, ông Võ Công H2 mới đánh máy 01 bản "giấy vay tiền" có viết thêm các nội dung để thể hiện H vay của ông H2 số tiền 50.000.000đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn: từ 12/12/2015 đến 12/02/2016, H ký tên xác nhận tại mục "người nhận tiền vay". Sau thời gian không xin được việc và bị yêu cầu trả lại tiền, ông H2 đã tự lấy tiền của mình trả lại cho bà V số tiền 40.000.000đồng. Bà V lấy số tiền đang giữ của chị N và bỏ thêm tiền của mình 5.000.000 đồng để trả lại cho chị Hoàng Thị N tổng số tiền 55.000.000 đồng.

Như vậy, H đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 50.000.000đồng.

7.6 Trường hợp của ông Lê Công L, trú thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Trong tháng 12/2015 và tháng 01/2016, ông Lê Công L đã đưa cho ông Phạm Văn T (trú tại thành B) tổng số tiền 130.000.000đồng để xin việc cho chị Lê Thị Hồng L (con ông L). Đến tháng 5/2016, sau khi không xin được việc cho chị L, ông T đã liên hệ với bà Võ Thị L, trú tại số 18/18 Liên gia 7A, Phường Tân Lập, thành phố B, để nhờ xin việc cho chị L. Trong tháng 5/2016, ông T đã đưa cho Bà L bộ hồ sơ của chị Lê Thị Hồng L và số tiền 110.000.000đồng, ông T còn giữ của ông L số tiền 20.000.000 đồng. Bà L đã đưa lại bộ hồ sơ và số tiền này cho ông Võ Công H2. Ngày 09/7/2016, ông H2 đã đưa cho H bộ hồ sơ của chị L và số tiền 110.000.000đồng. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, H đã không liên hệ bất cứ cơ quan, tổ chức nào để xin việc cho chị L.

Cuối tháng 7/2016, H lại hứa hẹn xin cho chị L thi đậu công chức xã tại huyện K. Sau khi nghe thông tin này thì ông L đã đưa thêm cho bà Võ Thị L số tiền 65.000.000đồng, số tiền này Bà L giữ lại. Đến cuối năm 2016 và đầu năm 2017, do không xin được việc làm cho chị L và bị ông L yêu cầu trả lại tiền, ông Võ Công H2 đã tự lấy tiền của mình trả lại cho bà Võ Thị L 50.000.000đồng, Bà L đã lấy số tiền đang giữ của ông L (65.000.000 đồng) và lấy thêm tiền của mình (10.000.000 đồng) trả lại cho ông L tổng số tiền 125.000.000đồng. Ngày 12/01/2017, ông Phạm Văn T hỏi vay thêm tiền của ông L để sử dụng và được ông L cho vay thêm 10.000.000 đồng, lúc này, ông T viết 01 giấy vay tiền thể hiện nội dung vay của ông Lê Công L số tiền 30.000.000 đồng.

Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 110.000.000đồng.

7.7 Trường hợp của bà Nguyễn Thị T, trú tại huyện K:

- Sau khi được ông Phạm Văn S là bố của Phạm Thị Kim C liên hệ bà Nguyễn Thị T1 nhờ xin việc làm cho Phạm Thị Kim C. Trước khi bà Nguyễn Thị T1 trực tiếp nhờ NGÔ THỊ THANH H xin việc cho chị C vào tháng 11/2015 như đã trình bày tại mục (6.1). Vào tháng 7/2015, bà Nguyễn Thị T1 đã đưa lại cho ông H2 bộ hồ sơ của chị C và số tiền 100.000.000 đồng (tiền của bà T1). Sau đó, ông H2 chuyển lại hồ sơ của C và số tiền 50.000.000đồng cho H, không viết giấy giao nhận, (ông H2 giữ lại 50.000.000 đồng).

- Trong tháng 9/2015, bà Bành Thị T đã đưa cho bà Nguyễn Thị T1 bộ hồ sơ của anh Trần Đình Ngọc T (con bà T) và số tiền 50.000.000 đồng để xin đi học trường Công an, bà T1 đã chuyển lại hồ sơ và số tiền trên cho ông Võ Công H2. Ông H2 chuyển lại hồ sơ của T và số tiền 50.000.000 đồng cho H (đưa tại Tp.B, không rõ địa điểm, không viết giấy biên nhận).

- Tháng 9/2015, bà Nguyễn Thị T đã đưa cho bà Nguyễn Thị Ái V 01 bộ hồ sơ của chị Nông Thị H (con dâu bà T) và số tiền 110.000.000 đồng để xin việc cho H. Bà V đưa lại bộ hồ sơ và số tiền trên cho ông Võ Công H2. Ông H2 đã đưa cho H hồ sơ của chị Nông Thị H và số tiền 50.000.000 đồng (ông H2 giữ lại 60.000.000 đồng).

Như vậy, đối với 03 trường hợp trên, ông Võ Công H2 đã đưa cho NGÔ THỊ THANH H tổng cộng 150.000.000 đồng, ông Võ Công H2 thống nhất với NGÔ THỊ THANH H là đặt trước mỗi trường hợp 50.000.000 đồng. Thực tế, NGÔ THỊ THANH H không thực hiện xin việc làm cho 03 trường hợp trên như đã cam kết.

Sau thời gian không xin được việc, đi học như đã hứa thì những người nêu trên yêu cầu người nhận tiền phải trả lại tiền. NGÔ THỊ THANH H đã trả lại cho ông Võ Công H2 số tiền 100.000.000 đồng. Ông Võ Công H2 đã lấy số tiền đang giữ (110.000.000 đồng) cùng số tiền do H trả và tự bỏ thêm 20.000.000 đồng trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 150.000.000 đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị Ái V số tiền 80.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T1 đã trả lại cho bà Bành Thị T số tiền 50.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Ái V đã trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 100.000.000 đồng (bà V tự bỏ thêm 20.000.000 đồng).

Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng.

7.8 Trường hợp của bà Đoàn Thị N, trú tại, trú tại huyện M và ông Lê Văn T, trú tại thị trấn K, huyện K:

- Tháng 5/2015, bà Đoàn Thị N đã đưa cho ông Võ Công H2 hồ sơ xin việc của anh Nguyễn Minh T (con bà N) cùng số tiền 110.000.000 đồng để xin việc cho T. Trong tháng 5/2015, ông H2 đã đưa cho H bộ hồ sơ của anh T và số tiền 75.000.000 đồng (ông H2 giữ lại số tiền 35.000.000 đồng), khi đưa tiền, hai bên không viết giấy biên nhận.

- Tháng 5/2015, ông Lê Văn T đưa 01 bộ hồ sơ của chị Lê Thị N (con ông T3) và số tiền 100.000.000 đồng cho ông Võ Công H2 để xin việc cho N. Ông H2 đưa cho H bộ hồ sơ của chị N và số tiền 65.000.000 đồng (ông H2 giữ lại 35.000.000 đồng) khi đưa tiền, hai bên không viết giấy biên nhận.

NGÔ THỊ THANH H đã nhận tổng cộng 140.000.000 đồng từ ông H2 để xin việc làm cho anh T và chị N. Đến ngày 10/5/2015, ông H2 gặp H thì H tự viết 01 giấy mượn tiền thể hiện nội dung mượn của ông H2 số tiền 130.000.000 đồng. Đây là giấy thể hiện việc nhận tiền xin việc cho Nguyễn Minh T và Lê Thị N, do cộng nhầm tổng số tiền nên NGÔ THỊ THANH H viết số tiền là 130.000.000 đồng, thực tế số tiền H đã nhận là 140.000.000 đồng. H hẹn đến tháng 8/2015 sẽ

xin được việc cho anh T và chị N. Tuy nhiên, H đã không thực hiện xin việc như đã cam kết.

Cuối năm 2015, ông H2 đã lấy số tiền đang giữ (70.000.000 đồng) và tự bỏ thêm tiền của mình (75.000.000 đồng) để trả lại cho bà N số tiền 85.000.000 đồng và trả cho ông T3 số tiền 60.000.000 đồng.

Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt tổng số tiền 140.000.000.

7.9 Trường hợp của bà Nguyễn Thị T1:

Ngày 07/6/2016, bà Nguyễn Thị T1 đi đến nhà ông Võ Công H2, đưa cho ông H2 bộ hồ sơ của anh Đặng Minh H (là con bà T1) và số tiền 50.000.000đồng để xin cho H đi học tại trường Văn Hóa III – Bộ Công an. Chiều cùng ngày ông H2 đã đưa cho H bộ hồ sơ của anh H và số tiền 50.000.000đồng. Đến đầu tháng 8/2016, sau khi nhận được 01 Giấy báo nhập học hệ công lập tự chủ của trường Văn hóa III đối với anh H, H đã đưa lại cho ông H2 và đề nghị người nhà của Hiếu đưa nốt số tiền còn lại, và bớt 5.000.000đồng. Ông H2 hẹn gặp bà T1 tại nhà ông H2 và đưa cho bà T1 Giấy báo nhập học, đồng thời bà T1 đưa cho ông H2 số tiền 95.000.000đồng. Ông H2 đã đưa cho H số tiền 95.000.000đồng. Sau khi Đặng Minh H đi học được một thời gian thì bà T1 nói với ông H2 là anh H chỉ được học hệ công lập tự chủ, không phải hệ cử tuyển (tức sau này không được cử đi học trường Công an nhân dân), không đúng như thỏa thuận ban đầu nên yêu cầu trả lại tiền. Tháng 4/2017, ông Võ Công H2 trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 10.000.000 đồng. Ông H2 yêu cầu H trả lại tiền nhưng H không trả mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền 145.000.000đồng nói trên (trong đó có 135.000.000đồng của bà Nguyễn Thị T1 và 10.000.000đồng của ông Võ Công H2).

7.10. Trường hợp của ông Trần Văn H, trú tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk số tiền:

Ngày 09/3/2016, ông Trần Văn H đã đưa cho bà Nguyễn Thị Ái V bộ hồ sơ xin việc của anh Trần Văn C (con ông H) và số tiền 100.000.000đồng để xin chuyển biên chế chính thức. Trong tháng 3/2016, bà V đã đưa cho ông Võ Công H2 02 bộ hồ sơ của anh C và chị Hà Thị Nhã P cùng số tiền 100.000.000đồng đặt trước cho cả hai trường hợp. Ông H2 đã đưa cho H 02 bộ hồ sơ trên và số tiền 120.000.000đồng (trong đó có 20.000.000đồng là của ông H2, do ông H2 dự định đặt trước để xin việc cho 01 trường hợp khác). Sau thời gian không xin được việc, bà V trả lại số tiền 30.000.000 đồng (là tiền do bà V tự bỏ ra), bị cáo chiếm đoạt 120.000.000 đồng.

7.11 Trường hợp của bà Nguyễn Thị L , trú tại huyện K:

Tháng 9/2016, bà Nguyễn Thị Lệ H và Nguyễn Thị H6 (tạm trú tại thành phố B) đưa cho ông Võ Công H2 số tiền 160.000.000đồng (tiền của bà H) để xin việc cho Đ. Ngày 03/10/2016, ông H2 đưa cho H bộ hồ sơ của Đ cùng số tiền 160.000.000đồng. Tuy nhiên H không xin việc mà chiếm đoạt số tiền trên. Khi bị yêu cầu trả lại tiền, ông Võ Công H2 đã tự trả cho bà Nguyễn Thị H6 và bà Nguyễn Thị Lệ H tổng số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt số tiền 160.000.000 đồng nêu trên.

7.12 Trường hợp của bà Nguyễn Thị D, trú tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk:

Ngày 08/9/2016, bà Nguyễn Thị D đưa cho ông Võ Công H2 bộ hồ sơ xin việc của chị Ma Thị T (con bà D) và số tiền 75.000.000đồng để xin việc cho T. Ngày 09/9/2016, ông H2 đã đưa cho H bộ hồ sơ của T và số tiền 65.000.000 đồng (ông H2 giữ lại 10.000.000 đồng). Tuy nhiên, H không liên hệ xin việc mà chiếm đoạt số tiền trên. Ông H2 đã trả lại cho bà D số tiền 10.000.000 đồng mà ông H2 đang giữ của bà D.

7.13 Trường hợp của chị Phạm Thị H, trú tại tỉnh Đắk Lắk:

Tháng 7/2015, chị Phạm Thị H đã đưa cho ông Võ Công H2 01 bộ hồ sơ xin việc và số tiền 80.000.000đồng. Ông H2 đưa lại cho H bộ hồ sơ trên cùng với số tiền 80.000.000đồng. Trên thực tế H không liên hệ cơ quan, tổ chức nào để xin việc làm. Sau thời gian không xin được việc và bị yêu cầu trả lại tiền thì H trả lại cho ông H2 30.000.000 đồng. Ông H2 trả lại số tiền 30.000.000đồng trên cho chị H.

7.14 Trường hợp của bà Võ Thị L, trú tại thành phố B:

Tháng 6/2015, bà Võ Thị L đã đưa cho ông H2 bộ hồ sơ thi công chức của chị Đỗ Thị Mỹ L và số tiền 70.000.000đồng. Cùng ngày, ông H2 đưa cho H hồ sơ và số tiền 70.000.000đồng, không viết giấy biên nhận. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, NGÔ THỊ THANH H đã không liên hệ cơ quan, tổ chức nào để xin việc cho chị L mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền 70.000.000 đồng nêu trên.

7.15 Trường hợp của ông Lý Trí M, trú tại thị xã B và anh Dương Quan T, trú tại tỉnh Đắk Lắk.

Tháng 9/2015, ông Lý Trí M đưa cho ông Võ Công H2 bộ hồ sơ của anh Lý Đình T (con ông M) và số tiền 90.000.000 đồng.

Ngày 20/10/2015, anh Dương Quan T đã đưa cho ông M 01 bộ hồ sơ xin việc của chị Nguyễn Thị Thu H (vợ anh T) và số tiền 100.000.000đồng. Cùng ngày, ông L Trí Minh đã đưa bộ hồ sơ và số tiền trên cho ông Võ Công H2.

Ngày 12/9/2015, ông H2 đã đưa trước cho H 50.000.000 đồng tiền xin việc làm cho T và chị H. Ngày 27/9/2015, tại nhà của ông H2, ông H2 đã đưa cho H 01 bộ hồ sơ xin việc của Lý Đình T, cùng với số tiền 60.000.000đồng. Cuối tháng 10/2015, ông H2 đã đưa cho H bộ hồ sơ của chị H và đưa thêm 80.000.000 đồng tiền để xin việc cho T và chị H. Như vậy, NGÔ THỊ THANH H đã nhận từ ông Võ Công H2 tổng số tiền 190.000.000đồng và H đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền nói trên.

7.16 Trường hợp của bà Tăng Thị L, trú tại huyện B, tỉnh Đắk Lắk:

Tháng 7/2015, bà Tăng Thị L đã đưa cho ông Võ Công H2 01 bộ hồ sơ xin việc của anh Bùi Nhật L (con bà L) và số tiền 80.000.000đồng để xin việc cho L. Sau đó, ông H2 đã đưa cho H bộ hồ sơ của anh L và số tiền 80.000.000đồng. Tuy nhiên, H đã không liên hệ cơ quan, tổ chức nào để xin việc cho anh L mà đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 80.000.000đồng nêu trên.

7.17 Trường hợp của bà Lê Thị X, trú tại huyện EK, tỉnh Đắk Lắk :

Tháng 11/2015, bà Lê Thị X đã đưa cho ông Võ Công H2 bộ hồ sơ xin việc của chị Trịnh Thị H (con bà X) và số tiền 90.000.000đồng. Ngày 13/11/2015, ông Hùng đã đưa cho H bộ hồ sơ của chị H và số tiền 70.000.000đồng (ông H2 giữ lại số tiền 20.000.000đồng), H đã chiếm đoạt số tiền trên. Đầu năm 2017, ông Võ Công H2 đã trả lại cho bà X số tiền 20.000.000 đồng.

7.18 Trường hợp của ông Nguyễn Văn H, trú tại huyện C:

Ngày 06/10/2015, ông Nguyễn Văn H đã đưa cho ông Hoàng Văn T bộ hồ sơ của anh Nguyễn Trọng S (con ông H) cùng với số tiền 80.000.000 đồng. Cùng ngày, ông T đưa cho bà Nguyễn Thị T1 bộ hồ sơ trên cùng với số tiền 60.000.000 đồng cho bà T1 (ông T giữ lại 20.000.000 đồng). Ngày 10/11/2015, bà T1 đi đến nhà ông H2, đưa cho ông H2 bộ hồ sơ của anh S và số tiền 75.000.000 đồng (trong đó bà T1 tự bỏ thêm tiền của mình 15.000.000đồng). Ngày 10/11/2015, tại nhà ông H2, ông H2 đã đưa cho H bộ hồ sơ của anh S và số tiền 60.000.000đồng (ông H2 giữ lại 15.000.000đồng), bị cáo đã chiếm đoạt số tiền trên.

Tháng 3/2017, ông Võ Công H2 đã lấy số tiền đang giữ trả lại cho bà T1 15.000.000 đồng. Đầu năm 2017, ông Hoàng Văn T trả lại số tiền đang giữ cho ông Nguyễn Văn H 20.000.000 đồng.

7.19 Trường hợp của bà Phạm Thị N, trú tại tỉnh Đắk Lắk:

Ngày 10/5/2015, bà Phạm Thị N đã đưa cho ông H2 01 bộ hồ sơ xin việc của anh Đặng Phú T (con bà N) và số tiền 70.000.000đồng để xin việc làm cho Tâm. Cùng ngày ông H2 đã đưa cho H bộ hồ sơ của anh T và số tiền 70.000.000 đồng, H chiếm đoạt số tiền trên.

7.20 Trường hợp của ông Nguyễn Văn C, trú tại huyện C, tỉnh Đắk Lắk:

Ngày 17/8/2016, ông Nguyễn Văn C đưa cho ông Võ Công H2 số tiền 40.000.000đồng để xin việc cho chị Nguyễn Thị Mỹ N (con ông C). Cùng ngày, ông H2 đã đưa cho H số tiền 40.000.000đồng và H chiếm đoạt số tiền trên.

7.21 Trường hợp của chị Nguyễn Thị P T, trú tại thị xã B

Trong tháng 7/2015, bà Nguyễn Thị K L đã đưa cho ông Võ Công H2 01 bộ hồ sơ xin việc của chị Nguyễn Thị P T (con bà L) cùng số tiền 65.000.000đồng để xin việc cho T. Ông H2 khai nhận đã đưa hồ sơ và tiền cho H để nhờ xin cho chị T vào làm Giáo viên dạy môn Vật lý cấp 2 tại huyện K. Tuy nhiên, ông H2 không có tài liệu gì để chứng minh còn H khai nhận, sau một thời gian không xin được việc cho chị T thì H đã trả lại toàn bộ số tiền đã nhận. Do đó, không có căn cứ để xử lý hành vi của H đối với sự việc này. Tháng 9/2015, ông H2 đã trả lại cho bà L số tiền 65.000.000 đồng.

7.22 Trường hợp của bà Nguyễn Thị Thu H, trú tại thị xã B số tiền 80.000.000đồng.

Ngày 11/4/2016, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Phan Ngọc C đi đến nhà ông Võ Công H2 và đưa cho ông H2 bộ hồ sơ của Lê Như H (con bà H) cùng số tiền

85.000.000đồng. Cùng ngày, ông H2 đã đưa cho H bộ hồ sơ của chị H và số tiền 80.000.000đồng (ông H2 giữ lại 5.000.000đồng), H chiếm đoạt số tiền trên.

Sau thời gian không xin được việc và bị yêu cầu trả lại tiền thì ông Võ Công H2 đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 5.000.000 đồng vào tháng 6/2017.

7.23 Trường hợp của ông Lê Thế N, trú tại huyện E số tiền:

Vào ngày 11/01/2016, ông Lê Thế N đưa cho ông Võ Công H2 01 bộ hồ sơ của chị Lê Thị L (con ông N) cùng số tiền 90.000.000đồng. Ngày 12/01/2016, ông H2 đã đưa cho H bộ hồ sơ của chị L và số tiền 90.000.000đồng, H chiếm đoạt số tiền trên.

7.24 Trường hợp của ông Nguyễn Văn S, trú tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk:

Ngày 28/6/2016, ông Nguyễn Văn S đưa cho ông Võ Công H2 01 bộ hồ sơ xin việc của anh Nguyễn Văn N (con ông S) và số tiền 115.000.000 đồng. Chiều cùng ngày, ông H2 đã đưa cho H bộ hồ sơ của anh N và số tiền 100.000.000đồng (ông H2 giữ lại 15.000.000 đồng), H chiếm đoạt số tiền trên.

Khoảng đầu năm 2017, ông H2 đã trả lại cho ông S số tiền mà ông H2 đang giữ của ông S là 15.000.000 đồng.

7.25 Trường hợp của ông Trần Văn V, trú tại K, tỉnh Đắk Lắk:

Ngày 28/5/2016, ông Trần Văn V đưa cho ông Võ Công H2 01 bộ hồ sơ xin việc của anh Trần Văn N (con ông V) và số tiền 65.000.000đồng để xin việc cho V. Cùng ngày ông H2 đã đưa cho H bộ hồ sơ của N và số tiền 65.000.000đồng, H chiếm đoạt số tiền trên.

Tại các Bản Kết luận giám định số 485/PC54 ngày 08/8/2016, số 506/PC54 ngày 14/8/2016, số 597/PC54 ngày 15/10/2016, số 271/PC54 ngày 18/5/2017, số 289/PC54 ngày 03/6/2017, số 432/PC54 ngày 03/7/2017, số 506/PC54 ngày 14/8/2017, số 595/PC54 ngày 09/10/2017, số 672/PC54 ngày 27/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định: Chữ ký, chữ viết đứng tên NGÔ THỊ THANH H trong các tài liệu giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên NGÔ THỊ THANH H trong các tài liệu so sánh đều do cùng một người ký và viết ra.

Tại Bản Kết luận giám định số 432/PC54 ngày 03/7/2017 và số 114/PC54 ngày 07/3/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010621, biển số 47A-062.91 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 022510, biển số 47A-074.09, tên chủ xe NGÔ THỊ THANH H là giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

Trong quá trình điều tra, xác minh vụ án NGÔ THỊ THANH H đã tự khắc phục hậu quả trả lại tiền tổng số tiền 205.000.000đồng cho những người sau: Đặng Thị Minh H 40.000.000đồng, Phạm thị Đ 20.000.000đồng, Nguyễn Thị D 135.000.000, Nguyễn Đức C 10.000.000đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 13/2018/HS-ST ngày 17, 18 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Tuyên bố bị cáo NGÔ THỊ THANH H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo NGÔ THỊ THANH H 20 (hai mươi) năm tù.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2017/HSST ngày 06/10/2017 của Tòa án Quân sự Quân khu 5, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 27 (hai mươi bảy) năm tù.

Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/11/2016 đến ngày 07/12/2016. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/5/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về trách nhiệm dân sự, các biện pháp tư pháp về phân án phí; quyền kháng cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định người bị hại bà Nguyễn Thị S kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với bị cáo, đề nghị truy tố trách nhiệm hình sự đối với bị cáo NGÔ THỊ THANH H về tội làm giả giấy tờ và sớm trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Ngày 22/4/2018 người bị hại ông Hồ Nam T kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với bị cáo, đề nghị truy tố trách nhiệm hình sự đối với ông Hà T (Chồng bị cáo NGÔ THỊ THANH H) và sớm trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Ngày 28/4/2018 người bị hại ông Võ Công H2 kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với bị cáo NGÔ THỊ THANH H và sớm trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Trong thời hạn luật định người bị hại bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với bị cáo NGÔ THỊ THANH H; đồng thời, xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về hành vi làm giả giấy tờ, ông Hà T vì ông T cùng với bị cáo ký 09 lần nhận tiền với tổng số tiền là 660.000.000đồng.

Ngày 20/4/2018 người bị hại bà Nguyễn Thị MINH H1 kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với bị cáo NGÔ THỊ THANH H, đề nghị truy tố NGÔ THỊ THANH H tội danh làm giả giấy tờ, xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Hà T và Hà T Tín (con trai bà H và ông T); đồng thời đề nghị bị cáo trực tiếp trả tiền cho những người bị hại.

Ngày 02/5/2018 người bị hại bà Lê Thị Tuyết H3 kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với bị cáo NGÔ THỊ THANH H, đề nghị truy tố NGÔ THỊ THANH H về tội làm giả giấy tờ và xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Hà T và Hà T Tín.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Những người bị hại kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo NGÔ THỊ THANH H và có biện pháp khắc phục hậu quả, trả lại số tiền đã chiếm đoạt để có tiền trả lại cho các người bị hại khác. Riêng bà Nguyễn Thị S rút kháng cáo phần đề nghị truy tố trách nhiệm hình sự

đối với bị cáo về hành vi làm giả giấy tờ. Đồng thời, trình bày cho rằng:

Đối với hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” đề nghị hội đồng xét xử làm rõ Bị cáo H chiếm đoạt số tiền lớn của 63 người bị hại cất giấu ở đâu mà không trả lại cho những người bị hại; vì bị cáo không có kinh doanh gì nên không thể cho là bị thua lỗ, nếu có tiêu xài cũng không hết. Đề nghị Hội đồng xét xử tăng mức hình phạt lên tù chung thân.

Đối với hành vi làm giả giấy tờ, chưa điều tra, truy tố và xét xử đối với bị cáo và Hà T Tín là bỏ lọt tội phạm. Bởi vì, bị cáo H đã có hành vi làm giả các giấy tờ về giấy báo trúng tuyển vào ngành công an, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy.... là bỏ lọt tội phạm.

Đối với hành vi của ông ông Hà T và Hà T Tín thể hiện có vai trò đồng phạm vì đã nhiều lần cùng đi đến nhà các bị hại để nhận tiền; riêng ông T còn nhiều lần ký vào các giấy nhận tiền với bị cáo. Do đó, chưa điều tra, truy tố và xét xử là bỏ lọt tội phạm.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo NGÔ THỊ THANH H trình bày cho rằng với hành vi phạm tội của bị cáo bị xử xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, khắc phục bồi thường một phần thiệt hại cho những người bị hại nên mức án 20 năm tù là không nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Bị cáo H đồng ý quan điểm của Luật sư.

Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về hành vi phạm tội của bị cáo NGÔ THỊ THANH H đã rõ, bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng người đúng tội. Tuy nhiên các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm chưa điều tra, truy tố để xét xử cùng chung trong vụ án đối với bị cáo H và Hà T Tín về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và đối với ông Hà T, Hà T Tín đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là không phù hợp, bỏ lọt tội phạm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án hình sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Xét yêu cầu kháng cáo của những người bị hại đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo NGÔ THỊ THANH H, đề nghị truy tố NGÔ THỊ THANH H tội danh làm giả giấy tờ, xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Hà T và Hà T Tín (con trai bà H và ông T) về hành vi làm giả giấy tờ và đồng phạm về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay vắng mặt bà Lê Thị

Tuyệt H3. Tuy nhiên, đây là phiên toà phúc thẩm lần thứ hai, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà H3 vắng mặt không có lý do. Trên cơ sở ý kiến của những người bị hại có mặt tại phiên toà và ý kiến của bị cáo H, ý kiến của Luật sư bà chữa cho bị cáo và ý kiến của Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt bà H3, Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt bà H3 không ảnh đến việc xét xử phúc thẩm nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ Luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, lời khai của bị cáo NGÔ THỊ THANH H phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ năm 2013 đến tháng 4/2017, mặc dù không có khả năng xin việc làm, chuyển công tác, xin đi học, xin làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và mua xe thanh lý, nhưng vì muốn chiếm đoạt tài sản của người khác nên NGÔ THỊ THANH H đã đưa ra các thông tin gian dối không đúng sự thật là H có nhiều mối quan hệ, quen biết nhiều lãnh đạo của tỉnh và của ngành Công an nên có khả năng xin đi học, xin vào làm việc trong ngành Công an, giáo dục, mua được xe tang vật vi phạm hành chính.... Bằng thủ đoạn trên, NGÔ THỊ THANH H đã chiếm đoạt tổng số tiền 9.267.000.000 đồng của những người bị hại. Hành vi của bị cáo NGÔ THỊ THANH H đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

[2.2]. Hành vi của bị cáo NGÔ THỊ THANH H gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân mà còn ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế của nhiều gia đình người bị hại, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến một số cơ quan, lãnh đạo của tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm a, khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự 1999 là có căn cứ. Bị cáo phạm tội nhiều lần, được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức hình phạt nghiêm minh và buộc bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian dài thì mới phát huy được tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[2.3]. Toà án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục bồi thường được một phần cho một số người bị hại. Vì vậy, đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo 20 năm tù là phù hợp, không nhẹ, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo lên mức án tù chung thân.

[2.4]. Đối với kháng cáo của những người bị hại đề nghị truy tố thêm bị cáo NGÔ THỊ THANH H về hành vi làm giả giấy tờ; xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Hà T và Hà T T (là chồng và con trai của bà H và ông T), Hội đồng xét xử xét thấy Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra đối tượng làm giấy tờ giả cho bị cáo H nhưng không rõ địa chỉ nên đã tách hành vi này để tiếp tục điều tra, truy tố sau; đối với hành vi của ông Hà T và Hà T Tín tuy có giúp cho bị cáo H nhưng do không biết hành vi lừa đảo của bị cáo H nên Cơ quan điều tra đã không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của những người bị hại bà Nguyễn Thị S, ông Hồ Nam T, bà Nguyễn Thị M H, bà Nguyễn Thị T1, ông Võ Công H2 và bà Lê Thị Tuyết H3.

[2.5]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với yêu cầu kháng cáo của 06 người bị hại như nêu trên đều đề nghị Toà án cấp phúc tuyên buộc bị cáo H phải có trách nhiệm trả lại số tiền chiếm đoạt trong thời gian cụ thể và trả trực tiếp cho những người bị hại; vì nếu Toà án tuyên buộc bị cáo H bồi thường cho 06 người bị hại chúng tôi, rồi trả tiền cho những người bị khác có liên quan là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chúng tôi. Bởi vì, số tiền của các người bị khác chúng tôi nhận đều đưa hết cho bị cáo H. Xét thấy, Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo H phải có trách nhiệm trả tiền cho những người bị hại mà bị cáo trực tiếp ký nhận tiền, trong đó có 06 người bị hại có kháng cáo là phù hợp và 06 người bị hại có trách nhiệm trả tiền cho những người bị hại khác mà mình trực tiếp ký nhận tiền là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo này không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Nam T và bà Nguyễn Thị T1, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét trách nhiệm hình sự của ông Hà T. Như đã phân tích trên, tuy không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự của ông Hà T nhưng về trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông Hà T phải cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền chiếm đoạt của bị cáo H đối với những giấy giấy vay mượn tiền có chữ ký của ông. Cụ thể, theo trình bày của ông Hồ Nam T và bà T1 thì ông Hà T đã nhiều lần cùng bị cáo H ký nhận tiền, trong đó ông Hồ Nam T 1.060.000 đồng, bà Nguyễn Thị T1 260.000.000 đồng.

Tuy nhiên, qua kiểm tra đối chiếu các giấy vay mượn tiền có chữ ký của ông Hà T có tại hồ sơ vụ án và đã được giám định của Cơ quan chức năng thì thấy:

Đối với trường hợp bà Nguyễn Thị T1: Ngày 10/11/2015: 75.000.000 đồng (Bút lục 127); ngày 20/11/2015: 35.000.000 đồng (Bút lục 125); ngày 10/4/2016: 50.000.000 đồng (Bút lục 126). Tổng cộng: 160.000.000 đồng.

Đối với trường hợp ông Hồ Nam T: Từ Bút lục 96 cho đến 115, lần lượt trong các ngày như sau: 05/11/2015: 40 triệu đồng; 15/11/2015: 40 triệu đồng; 06/11/2015: 35 triệu đồng; 20/12/2015: 200 triệu đồng; 25/4/2016: 50 triệu đồng; 05/01/2016: 80 triệu đồng; 18/12/2015: 50 triệu đồng; 30/12/2015: 100 triệu đồng; 10/11/2015: 80 triệu đồng; 17/4/2016: 60 triệu đồng; 26/2/2016: 30 triệu đồng; 02/4/2016: 30 triệu đồng. Tổng cộng: 795.000.000 đồng.

Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu của bà T1 và ông Hồ Nam T; buộc ông Hà T phải có trách nhiệm liên đới cùng với bị cáo H trả cho bà T1 số tiền

160.000.000 đồng và ông Hồ Nam T số tiền 795.000.000 đồng.

[2.6]. Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người bị hại bà Nguyễn Thị S, ông Hồ Nam T, bà Nguyễn Thị M Hoà, bà Nguyễn Thị T1, ông Võ Công H2 và bà Lê Thị Tuyết H3 đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo H lên mức án tù chung thân; không chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị huỷ bản án hình sự sơ thẩm để chuyển hồ sơ vụ án điều tra lại. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người bị hại, ông Hồ Nam T và bà Nguyễn Thị T1 sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về phần dân sự.

[2.7]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.8]. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án về phần dân sự, buộc ông Hà T phải có trách nhiệm liên đới cùng với bị cáo H hoàn trả số tiền 955.000.000đồng cho người bị hại nên phần án phí cần sửa lại cho phù hợp. Cụ thể: $955.000.000đ = 36.000.000đ + (155.000.000 đ \times 3\% = 4.650.000đ) = 40.650.000đ : 2 = 20.325.000đ$. Ông Hà T phải chịu 20.325.000đ, bị cáo H phải chịu: $117.122.000đ - 20.325.000đ = 96.797.000đ$.

Án phí dân sự phúc thẩm: Phần trách nhiệm dân sự bị sửa nên những người bị hại không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo NGÔ THỊ THANH H của những người bị hại bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị M H, bà Lê Thị Tuyết H3, ông Hồ Nam T và ông Võ Công H2 .

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HS-ST ngày 17, 18/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt.

1. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo NGÔ THỊ THANH H **20** (hai mươi) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2017/HSST ngày 06/10/2017 của Tòa án Quân sự Quân khu 5, buộc bị cáo

phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 27 (hai mươi bảy) năm tù.

Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/11/2016 đến ngày 07/12/2016. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/5/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người bị hại, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HS-ST ngày 17, 18/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần dân sự:

Buộc bị cáo NGÔ THỊ THANH H phải hoàn trả cho:

- Bà Nguyễn Thị S: 1.157.000.000 đồng.
- Ông Hồ Nam T: 265.000.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị MINH H1: 1.130.000.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị T1 500.000.000 đồng.
- Bà Lê Thị Tuyết H3 180.000.000 đồng.
- Ông Võ Công H2 2.935.000.000 đồng.

Buộc bị cáo NGÔ THỊ THANH H và ông Hà T có trách nhiệm liên đới cùng hoàn trả cho:

- Ông Hồ Nam T: 795.000.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị T1 160.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo NGÔ THỊ THANH H và ông Hà T còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí sơ thẩm: Bị cáo NGÔ THỊ THANH H phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 96.797.000đ đồng (Chín mươi sáu triệu bảy trăm chín bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm Ông Hà T phải chịu 20.325.000đ (Hai mươi triệu ba trăm hai lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Những người bị hại không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- T.H.A hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ, Lưu trữ, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông